

BIỂU 02A/CH

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020
CỦA THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG - TỈNH HẢI DƯƠNG**

Đơn vị tính: ha

TT	CHỈ TIÊU	MÃ	Kế hoạch SDD được duyệt (ha)				Kết quả thực hiện CMD			
			Diện tích KH được duyệt QĐ 491	Diện tích KH được duyệt bổ sung	Diện tích KH được duyệt	Diện tích CMD được duyệt	Diện tích chuyển mục đích (ha)	So sánh		
								Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)	
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)=(7)/(6)*100	
1	Đất nông nghiệp	NNP	4.302,27	-20,96	4.281,31	-413,05	-40,15	-372,90	9,72	
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.746,19	-16,17	2.730,02	-314,02	-29,88	-284,14	9,52	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	219,64	-0,15	219,49	-19,26	-4,75	-14,52	24,64	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	586,37	-1,56	584,81	-17,72	-1,50	-16,22	8,49	
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	578,74	-5,02	573,72	-77,29	-4,02	-73,27	5,20	
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	171,32	1,94	173,26	15,25		15,25		
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6.852,08	20,96	6.873,04	417,13	40,15	376,98	9,63	
2.1	Đất quốc phòng	CQP	25,60		25,60	2,88		2,88		
2.2	Đất an ninh	CAN	10,29	0,43	10,72	0,61		0,61		
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	278,87	-40,80	238,07	-38,16		-38,16		
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	251,24	2,25	253,49	39,52	2,10	37,42	5,31	
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	78,85	13,01	91,86	41,13	5,27	35,86	12,81	
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	439,97	-0,38	439,59	-7,00	-3,84	-3,16	54,85	
2.7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.313,53	16,92	2.330,45	180,94	13,29	167,65	7,35	
	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>1.608,20</i>	<i>18,17</i>	<i>1.626,37</i>	<i>178,24</i>	<i>9,71</i>	<i>168,53</i>	<i>5,45</i>	
	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>428,71</i>	<i>-1,87</i>	<i>426,84</i>	<i>-18,83</i>	<i>-3,43</i>	<i>-15,40</i>	<i>18,23</i>	
	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>10,60</i>	<i>0,34</i>	<i>10,94</i>	<i>3,26</i>	<i>1,88</i>	<i>1,38</i>	<i>57,71</i>	
	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>1,56</i>		<i>1,56</i>	<i>-0,01</i>		<i>-0,01</i>		
	<i>Đất cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>6,45</i>		<i>6,45</i>	<i>-0,13</i>	<i>0,12</i>	<i>-0,25</i>	<i>-93,75</i>	
	<i>Đất cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>40,32</i>	<i>0,28</i>	<i>40,60</i>	<i>7,32</i>	<i>0,31</i>	<i>7,01</i>	<i>4,24</i>	
	<i>Đất cơ sở giáo dục - đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>151,71</i>		<i>151,71</i>	<i>8,76</i>	<i>4,45</i>	<i>4,31</i>	<i>50,78</i>	
	<i>Đất cơ sở thể dục - thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>26,33</i>		<i>26,33</i>	<i>3,11</i>	<i>0,13</i>	<i>2,98</i>	<i>4,18</i>	
	<i>Đất công trình công cộng khác</i>	<i>DCK</i>	<i>25,83</i>		<i>25,83</i>		<i>0,12</i>	<i>-0,12</i>		
	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	<i>13,81</i>		<i>13,81</i>	<i>-0,78</i>		<i>-0,78</i>		
2.8	Đất có di tích lịch sử-văn hoá	DDT	0,46		0,46					
2.9	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	10,35		10,35	-0,37	-0,11	-0,26	29,73	
2.10	Đất ở tại đô thị	ODT	1.814,76	12,54	1.827,30	115,38	15,12	100,26	13,11	
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	325,04	6,04	331,08	39,32	3,22	36,10	8,19	
2.12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	71,79	-0,10	71,69	0,81	-0,05	0,86	-6,17	
2.13	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	13,34		13,34	0,02		0,02		
2.14	Đất cơ sở tôn giáo	TON	25,83		25,83	2,00		2,00		
2.15	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	101,08		101,08	-0,10	-0,05	-0,05	50,00	
2.16	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	80,97		80,97	-2,93		-2,93		
2.17	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	16,12		16,12	1,19		1,19		
2.18	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	115,63	6,05	121,68	43,96	5,24	38,72	11,92	

2.19	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	21,16		21,16	0,04	0,10	-0,06	250,00
2.20	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	756,91		756,91	-5,86		-5,86	
2.21	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	99,49	5,00	104,49	3,75	-0,14	3,89	-3,73
2.22	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,72		0,72				
3	Đất chưa sử dụng	DCS	9,69		9,69	-4,08		-4,08	

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021 CỦA THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG - TỈNH HẢI DƯƠNG

Đơn vị tính: ha

TT	CHỈ TIÊU	MÃ	Tổng diện tích	Phân theo địa giới hành chính cấp xã																									
				Phường Cẩm Thượng	Phường Bình Hàn	Phường Ngọc Châu	Phường Nhị Châu	Phường Quang Trung	Phường Nguyễn Trãi	Phường Phạm Ngũ Lão	Phường Trần Hưng Đạo	Phường Trần Phú	Phường Thanh Bình	Phường Tân Bình	Phường Lê Thanh Nghị	Phường Hải Tân	Phường Tứ Minh	Phường Việt Hoà	Phường Ái Quốc	Xã An Thượng	Phường Nam Đồng	Phường Thạch Khê	Phường Tân Hưng	Xã Gia Xuyên	Xã Liên Hồng	Xã Ngọc Sơn	Xã Tiên Tiến	Xã Quyết Thắng	
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		11.168,20	263,54	238,11	194,24	316,76	104,30	55,90	82,73	35,66	71,00	262,82	277,37	127,44	411,54	746,01	651,11	833,62	664,15	889,49	545,72	502,08	505,52	926,50	486,99	1.077,62	898,00	
1	Đất nông nghiệp	NNP	4.144,94	1,30	7,90	15,17	109,09			0,06		0,41	1,85	3,42		18,58	23,09	249,96	361,37	325,80	413,72	156,42	221,27	265,60	515,62	257,80	603,06	593,48	
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.640,97	0,31	3,31	3,22	94,15						0,00				-3,75	173,21	232,08	220,99	262,17	122,69	148,63	177,35	252,71	171,93	322,23	459,72	
	<i>Trong đó: Đất chuyển trong tua nước</i>	LUC	2.640,59	0,31	3,31	3,22	94,15						0,00				-3,75	173,21	232,08	220,97	262,17	122,69	148,63	177,35	252,71	171,93	321,88	459,72	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	190,05	0,38	1,46	10,83	9,89						0,40	0,52		17,35	1,73	5,93	5,88	12,18	36,56	8,70	18,65	17,68	1,54	12,96	27,15	0,28	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	574,33		3,07					0,03			0,05	1,98		0,22	0,38	1,57	80,05	50,29	22,26	0,00	0,12	13,14	15,92	50,40	229,80	105,04	
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	573,61	0,61	0,06	1,13	5,05			0,02		0,41	1,39	0,93		1,01	24,72	60,35	38,55	42,33	92,74	23,08	53,86	57,43	113,07	22,50	5,92	28,45	
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	165,98															8,90	4,80			1,94			132,38		17,97		
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	7.013,05	262,24	230,21	179,07	207,67	104,30	55,90	82,67	35,66	70,59	260,97	273,95	127,44	392,96	722,92	399,26	472,25	331,34	475,38	389,30	280,80	239,92	410,88	228,47	474,56	304,32	
2.1	Đất quốc phòng	CQP	27,81	0,02	0,03	3,61	0,01		3,36					0,32	2,30				1,65	5,48	8,14	2,88						0,03	
2.2	Đất an ninh	CAN	15,04	0,03	0,63	0,01	0,02	0,02	2,77	0,03	0,01	0,03	5,86	0,10	0,09	0,10	3,78	0,26	1,21		0,06								0,03
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	234,03													125,54	46,07	51,38			11,04								
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	249,70	46,78									7,59					35,47	16,29		44,04	16,68			43,25		39,60		
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	105,05	7,43	2,16	1,13	0,11	0,78		0,10	0,07	0,06	4,48	10,01		2,83	21,35	6,54	4,62	6,14		4,65	1,19	7,50	20,48	0,50		2,92	
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	402,62	34,42	21,92	7,40	20,42	2,29	3,25	8,50	1,15	1,30	14,01	10,29	10,73	18,04	66,97	14,81	47,70	0,73	28,52	21,27	2,51	0,78		8,24	50,91	6,45	
2.7	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS																											
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.513,16	60,60	68,50	46,85	71,43	29,03	17,05	23,64	11,02	23,55	114,54	104,08	42,48	146,70	227,85	144,99	165,77	126,65	137,49	161,71	124,33	92,24	227,08	83,48	145,74	116,36	
2.9	Đất có di tích lịch sử-văn hoá	DDT	0,46																	0,27							0,19		
2.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	8,71	0,07	0,05	3,33						0,01		0,18	0,09		0,00	0,01	0,15	1,55	0,33	0,22	0,26	0,17		0,35	1,49	0,36	
2.11	Đất ở tại đô thị	ODT	1.587,99	55,62	74,03	72,76	62,41	34,15	20,11	38,04	13,39	20,22	101,97	103,70	43,23	152,28	192,01	96,48	130,91		117,90	118,09	113,08	6,13	21,48				
2.12	Đất ở tại nông thôn	ONT	583,59																	91,27				75,00	101,97	55,71	144,68	114,96	
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	69,71	0,62	1,51	0,48	0,32	4,52	0,08	3,08	4,94	15,43	6,01	7,29	2,32	1,09	0,74	9,41	2,18	0,48	3,63	0,84	0,89	0,45	1,59	0,38	0,74	0,69	
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	12,59		0,48	2,49	0,07	0,66	2,76			0,12	1,37	0,18	0,42	0,01	2,85		0,32	0,87									
2.15	Đất công trình sự nghiệp khác	DSK	0,07							0,01													0,06						
2.16	Đất cơ sở tôn giáo	TON	29,06	0,52	0,04	0,53	0,01	0,32	0,14	0,17		0,23	0,36	1,00		0,38	2,11		3,02	0,58	0,60	1,73	9,04	1,25	3,14	0,06	1,63	2,17	
2.17	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	103,18	3,45	3,07	2,25	3,00		0,18	0,09		0,73	0,28	4,81	0,01	7,97	8,23	3,29	7,73	4,75	9,85	6,49	10,90	3,73	4,05	4,99	6,89	6,45	
2.18	Đất sản xuất vật liệu xây dựng gom sừ	SKX	72,73	17,37	11,55		2,18								0,31	4,58		8,82	6,49	15,23	5,44							0,76	
2.19	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,25																								0,41	0,84	
2.20	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	115,64	2,99	0,20	1,24	4,07	7,45	2,84	1,40	0,29	0,27	4,19	9,87	1,18	7,07	20,82	7,96	2,65	4,31	0,40	21,88	9,18	0,72	2,46	0,67		1,51	
2.21	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	20,90	0,71	1,73	0,41	1,73	0,22		0,20	0,65	0,09	0,98	0,26		0,81	0,97	0,99	0,45	0,44	2,85	1,00	3,08	0,82	0,32	0,93	0,84	0,40	
2.22	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	758,87	27,02	17,08	36,47	41,89	0,18	1,93	0,39	4,01	6,91		18,90	15,74	45,04	52,39	24,16	29,43	70,88	100,89	27,75	5,55	6,32	28,03	33,37	115,69	48,82	
2.23	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	96,99	4,59	27,23	0,10		24,69	1,43	7,02			0,40	0,45	2,73	8,94	0,20	0,15		0,02	1,97	4,21	3,94	0,73	0,82	0,27	4,71	2,39	
2.24	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	3,90													3,03						0,15		0,72					
3	Đất chưa sử dụng	DCS	10,20															1,89	7,02	0,38						0,72		0,20	

KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 2021 CỦA THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG - TỈNH HẢI DƯƠNG

Đơn vị tính: ha

STT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	Tổng diện tích	Phân theo địa giới hành chính cấp xã																								
			Phường Cẩm Thượng	Phường Bình Hàn	Phường Ngọc Châu	Phường Nhị Châu	Phường Quang Trung	Phường Nguyễn Trãi	Phường Phạm Ngũ Lão	Phường Trần Hưng Đạo	Phường Trần Phú	Phường Thanh Bình	Phường Tân Bình	Phường Lê Thanh Nghị	Phường Hải Tân	Phường Tứ Minh	Phường Việt Hoà	Phường Ái Quốc	Xã An Thượng	Phường Nam Đồng	Phường Thạch Khê	Phường Tân Hưng	Xã Gia Xuyên	Xã Liên Hồng	Xã Ngọc Sơn	Xã Tiên Tiến	Xã Quyết Thắng
1	Đất nông nghiệp	387,17	2,22	0,33	0,77	0,40				0,04		2,44	0,22		9,17	53,80	49,29	32,91	20,32	22,20	29,50	37,26	13,05	53,80	30,21	3,78	25,47
1.1	Đất trồng lúa	273,67	1,30		0,73	0,40						1,76				18,05	33,69	23,93	8,32	18,00	25,41	29,12	11,44	48,30	28,81	1,16	23,26
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	23,92		0,33	0,04							0,33	0,03		6,81	0,75	1,91	2,05	0,23	0,18	3,29	6,60	0,18	0,18	0,28	0,61	0,12
1.3	Đất trồng cây lâu năm	23,42								0,04		0,11	0,19			3,87	1,80	3,43	5,89	1,50		0,10	0,74	1,54	0,79	1,68	1,76
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	66,17	0,92									0,24			2,36	31,13	11,89	3,50	5,89	2,53	0,81	1,44	0,69	3,79	0,34	0,34	0,34
1.5	Đất nông nghiệp khác																										
2	Đất phi nông nghiệp	173,45	1,38	7,40	1,38	0,09	2,07	8,29	5,27	0,11	1,82	6,36	0,30	5,09	9,10	67,69	9,02	3,41	4,12	1,59	7,51	16,58	1,02	6,98	1,44	0,60	4,83
2.1	Đất quốc phòng	0,27						0,27																			
2.2	Đất khu công nghiệp	40,80														40,80											
2.3	Đất cụm công nghiệp	2,60	0,23														0,97			0,31	0,31		0,31		0,47		
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	0,95		0,61								0,10	0,02		0,04	0,18											
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	36,53		5,65			1,22	6,89	4,06		0,03	1,39		0,86	2,00	3,64	2,55		0,78	0,09	2,09	4,82	0,09		0,09	0,18	0,09
2.6	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	55,86	1,15	0,54	0,77	0,07	0,01	0,38	1,18	0,08	1,42	3,96		0,31	2,54	7,05	4,37	2,77	2,68	1,01	4,23	9,54	0,20	6,57	0,60	0,14	4,32
	Đất giao thông	27,85	0,43	0,43	0,76	0,07	0,01		1,18	0,03	0,04	1,52		0,21	1,42	4,03	2,20	1,63	0,91	0,68	1,53	4,65	0,01	3,61	0,38	0,01	2,10
	Đất thủy lợi	20,95	0,72	0,11	0,01							1,53		0,01	0,62	2,55	2,06	1,14	1,71	0,33	2,02	2,47	0,17	2,96	0,22	0,13	2,22
	Đất công trình năng lượng	0,01																	0,01								
	Đất công trình bưu chính viễn thông	0,01																	0,01								
	Đất cơ sở văn hóa	1,13																									
	Đất cơ sở y tế	0,01							0,38					0,09		0,43	0,03		0,01		0,01	0,10					
	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	3,53													0,50	0,04	0,08		0,02		0,55	2,32	0,02				
	Đất cơ sở thể dục - thể thao	1,47									1,35										0,12						
	Đất chợ	0,91										0,91															
2.7	Đất bãi thải, xử lý chất thải	0,60														0,58	0,02										
2.8	Đất ở tại đô thị	15,07		0,48	0,11		0,21		0,03	0,03	0,08	0,91	0,15	0,32	0,23	9,40	0,93	0,31		0,03	0,55	1,30					
2.9	Đất ở tại nông thôn	1,37																	0,41				0,28	0,28	0,14	0,14	0,14
2.10	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	4,48		0,10		0,02	0,63				0,29		0,10	0,02	0,01	3,28			0,01		0,01	0,01					
2.11	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	0,30						0,30																			
2.12	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	2,06			0,50										0,14	0,28			0,06	0,01	0,19	0,67	0,01	0,01	0,01	0,01	0,15
2.13	Đất sản xuất vật liệu xây dựng gồm sứ	0,01																0,01									
2.14	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	0,79						0,45				0,03						0,31									
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	0,68														0,68											
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	7,02												2,15	3,43	0,28			0,13	0,13	0,13	0,13	0,13	0,13	0,13	0,13	0,13
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	4,05		0,02										1,43	0,71	1,70		0,01	0,06	0,01		0,11					

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐĂNG KÝ NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021
CỦA THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG - TỈNH HẢI DƯƠNG**

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tổng diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản có liên quan	Ghi chú
	TỔNG DIỆN TÍCH			834,04	169,63	664,41					
A	Công trình dự án do cấp trên phân bổ			710,93	168,50	542,43					
I	Công trình dự án phải thu hồi đất			664,83	168,50	496,33					
1	Công trình, dự án mục đích quốc phòng an ninh			7,76		7,76					
1.1	Đất quốc phòng	CQP		2,88		2,88					
	Xây dựng công trình quốc phòng khu vực phòng thủ (4 điểm)	CQP	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	2,88		2,88	LUC	P Thạch Khôi	Tờ 3	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; Quy hoạch thể trận quân sự KVPT huyện giai đoạn 2012-2020	Chuyển tiếp
1.2	Đất an ninh	CAN		4,88		4,88					
	Trụ sở công an phường Tứ Minh	CAN	Công an tỉnh Hải Dương	0,08		0,08	TSC	P Tứ Minh	Tờ 29 (thửa 6)	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư số 461/QĐ-BCA-H41 ngày 17/01/2014 của Bộ Công an	Chuyển tiếp
	Trụ sở công an phường Nhị Châu	CAN	Công an tỉnh Hải Dương	0,02		0,02	TSC	P Nhị Châu	Tờ 17a (thửa 06)	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư số 461/QĐ-BCA-H41 ngày 17/01/2014 của Bộ Công an	Chuyển tiếp
	Trụ sở công an phường Tân Bình	CAN	Công an tỉnh Hải Dương	0,10		0,10	TSC	P Tân Bình	Tờ 63	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư số 461/QĐ-BCA-H41 ngày 17/01/2014 của Bộ Công an	Chuyển tiếp; bổ sung 0,05 ha
	Trụ sở công an phường Lê Thanh Nghị	CAN	Công an tỉnh Hải Dương	0,09		0,09	DVH	P Lê Thanh Nghị	Tờ 10 thửa 34		Đăng ký mới
	Trụ sở công an phường Ái Quốc	CAN	Công an tỉnh Hải Dương	0,20		0,20	Đất khác	P Ái Quốc	Tờ 8 (thửa 538-541; 511-514; 567)		Đăng ký mới
	Trụ sở công an phường Việt Hòa	CAN	Công an thành phố Hải Dương	0,26		0,26	LUC	P Việt Hòa	Tờ 12 (thửa 282, 283...)	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư số 461/QĐ-BCA-H41 ngày 17/01/2014 của Bộ Công an; Thông báo số 2038-TB/TU ngày 21/10/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hải Dương thông báo ý kiến kết luận của Thường vụ tỉnh ủy về chủ trương khảo sát, quy hoạch đất chuyển trụ sở công an tỉnh và đầu tư xây dựng trụ sở công an cấp xã	Chuyển tiếp, tăng diện tích
	Xây dựng Doanh trại cảnh sát PCCC&CNCH khu vực Tiên Trung thuộc KDC dịch vụ - công nghiệp Ái Quốc	CAN	Công an tỉnh Hải Dương	0,43		0,43	DKV (0,31 ha); DGT (0,12 ha)	P Ái Quốc	Tờ 04 (thửa 272.317....)	Quyết định số 2507/BCA-PCCC&CNCH của Bộ Công an; Công văn số 1735/UBND-VP ngày 22/6/2017 của UBND tỉnh Hải Dương	Chuyển tiếp
	TTHL cơ động PK 02 và nhà ở doanh trại công an tỉnh	CAN	Công an tỉnh Hải Dương	3,70		3,70	LUC (3,2); DTL (0,4); DGT (0,1)	P Tứ Minh	Tờ 93 (9.1,9.2,9.3.....)	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Quyết định 840/QĐ-BCA ngày 16/3/2011 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	Đăng ký mới
2	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng			657,07	168,50	488,57					
2.1	Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất			44,51	2,85	41,66					
2.1.1	Đất khu công nghiệp	SKK		2,64		2,64					

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tổng diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản có liên quan	Ghi chú
	Khu công nghiệp Đại An mở rộng (GD1)	SKK	Công ty TNHH MTV PTHT KCN Đại An	0,34		0,34	SKC	P Tứ Minh	Tờ 87 (thửa 14)	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; Quyết định số 1247/QĐ-UBND ngày 17/05/2016 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu Công nghiệp Đại An mở rộng	Chuyển tiếp
	Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát	SKK	Công ty TNHH KCN kỹ thuật cao An Phát	2,30		2,30	SKC	P Tứ Minh, P Việt Hòa	Tờ 87 (thửa 01)	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; Quyết định số 1387/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 của UBND tỉnh Hải Dương	Chuyển tiếp
2.1.2	Đất cụm công nghiệp	SKN		41,87	2,85	39,02					
*	Cụm công nghiệp Ba Hàng	SKN		29,07		29,07					
	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Ba Hàng của Công ty thương mại và vận tải Thành Đạt	SKN	Công ty thương mại và vận tải Thành Đạt	9,98		9,98	LUC (9,26); NTS (0,3); DGT (0,3); DTL (0,1); MNC (0,02)	P. Nam Đồng và P. Ái Quốc	Tờ 6+7 xã Nam Đồng; Tờ 10 P. Ái Quốc	Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 23/4/2019; Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019; Giấy chứng nhận đầu tư số 04121000189 do UBND tỉnh cấp lần đầu ngày 22/01/2009; QĐ số 888/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh về việc giao đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Ba Hàng	Chuyển tiếp
	Xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp Ba Hàng của Công ty thương mại và vận tải Thành Đạt	SKN	Công ty thương mại và vận tải Thành Đạt	13,09		13,09	LUC (9,61); NTS (2,68); DGT (0,7); DTL (0,1)	P. Nam Đồng và P. Ái Quốc	Tờ 6+7 xã Nam Đồng; Tờ 10 P. Ái Quốc	Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 23/4/2019; Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019; Giấy chứng nhận đầu tư số 04121000189 do UBND tỉnh cấp lần đầu ngày 22/01/2009; QĐ số 888/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh về việc giao đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Ba Hàng	Chuyển tiếp
	Dự án nhà máy sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy và sửa chữa ô tô của Công ty CP SX và thương mại SD	SKN	Công ty CP SX và thương mại SD	1,682		1,682	LUC	P. Nam Đồng	Tờ 07 (thửa 218-219,319,320-325-313,406-422,...)	Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019; Chứng nhận đầu tư số 04121000054 cấp ngày 21/11/2017, thay đổi lần nhất ngày 30/10/2009	Chuyển tiếp
	Trồng và chế biến măng tre xuất khẩu của Công ty TNHH Vạn Đạt	SKN	Công ty TNHH Vạn Đạt	1,20		1,20	LUC (1,14); DGT (0,01); DTL (0,01); NTS (0,04)	P. Nam Đồng	Tờ 07 (thửa 42,43,44,104-109-116-213,214,243,...)	Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019; Chứng nhận đầu tư số 04121000061 cấp ngày 27/6/2008, Thông báo điều chỉnh ngày 13/3/2019	Chuyển tiếp
	Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi của Công ty CP dinh dưỡng quốc tế CNC	SKN	Công ty CP dinh dưỡng quốc tế CNC	3,12		3,12	LUC (2,61); NTS (0,3); DGT (0,15); DTL (0,06)	P. Nam Đồng	Tờ 7 (thửa 424-426.308.309....430.....480.....572.....520...491)	Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019; QĐ số 463/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư	Chuyển tiếp
**	Cụm công nghiệp Ngọc Sơn	SKN		2,25		2,25					
	Cụm công nghiệp Ngọc Sơn (trong đó dự án cơ sở kinh doanh sửa chữa máy móc và buôn bán vật tư cơ khí 0,75 ha; dự án cơ sở kinh doanh thực phẩm chay 0,76 ha; dự án cơ sở kinh doanh sắt thép, vật liệu xây dựng 0,74 ha)	SKN	Công ty TNHH DVTM Đức Huy; Công ty TNHH SX&TM Hòa Bình; Công ty cổ phần Đoàn Minh Công	2,25		2,25	LUC (2,1); DGT (0,1); DTL (0,05)	xã Ngọc Sơn	Tờ 8 thửa 324,325,326,374,375,...	Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 25/7/2020; Quyết định số: 1840,1841,1842/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh về Chủ trương đầu tư dự án; QĐ số 816/QĐ-UBND ngày 30/3/2016 về việc thành lập cụm công nghiệp Ngọc Sơn, huyện Tứ Kỳ (nay là Thành phố Hải Dương)	Chuyển tiếp
***	Cụm công nghiệp Thạch Khê - Gia Xuyên	SKN		10,55	2,85	7,70					

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tổng diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản có liên quan	Ghi chú
	Cụm CN Thạch Khôi - Gia Xuyên - TP Hải Dương (Trong đó: Cơ sở sản xuất đồ gỗ, dịch vụ trồng giữ xe ô tô 1,02 ha; Cơ sở gia công kết cấu thép Hải Hà 1,49 ha; Cơ sở xuất hương sạch Bách Diệp 0,92 ha; Cơ sở sản xuất bao bì Carton Gia Lộc 3,36 ha; Cơ sở chế biến hàng nông sản Hương Việt 1,40 ha...)	SKN	Sở Công Thương	10,55	2,85	7,70	LUC	Xã Gia Xuyên, phường Thạch Khôi	Gia Xuyên - Thạch Khôi	Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018; Nằm trong QH sử dụng đất đến năm 2020	Chuyển tiếp
2.2	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất			612,56	165,65	446,91					
2.2.1	Đất phát triển hạ tầng	DHT		28,92	2,30	26,62					
a	Đất giao thông	DGT		7,74		7,74					
	Dự án đầu tư xây dựng nút giao lập thể tại điểm giao cắt giữa đường sắt Hà Nội- Hải Phòng Quốc lộ 5 và đường 390 tỉnh Hải Dương	DGT	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Hải Dương	3,90		3,90	LUC (0,54); NTS (0,66); DGT (1,2); DTL (0,5); CLN (1,0)	P Ái Quốc	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 25/7/2020 của HĐND tỉnh; QĐ số 1517/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 của UBND tỉnh Hải Dương về việc điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng nút giao lập thể tại điểm giao cắt giữa đường sắt Hà Nội - Hải Phòng Quốc lộ 5 và đường 390 tỉnh Hải Dương	Chuyển tiếp
	Nút giao lập thể tại điểm giao cắt giữa đường sắt Hà Nội- Hải Phòng và đường 390; đường gom đường sắt Hà Nội- Hải Phòng nối nút giao lập thể ngã ba Hàng với đường tỉnh 390B	DGT	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	3,84		3,84	LUC (0,83); HNK (1,86); CLN (1,15)	P Ái Quốc	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018; Quyết định số 1280/QĐ-UBND ngày 18/5/2016 của UBND tỉnh Hải Dương về việc điều chỉnh dự án	Chuyển tiếp
b	Đất thủy lợi	DTL		7,30	2,30	5,00					
	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở khu vực kè Thượng Đạt tương ứng K21+200-K21+750 đê tả sông Thái Bình, thành phố Hải Dương	DTL	Sở NN&PTNT	0,055		0,055	LUC	Xã An Thượng	Từ 4, 5	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Quyết định số 2519/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của UBND tỉnh Hải Dương; Văn bản số 3112/UBND-VP ngày 17/10/2017 về việc đề nghị cấp vốn để xử lý cấp bách sự cố sạt lở các tuyến sông trên địa bàn tỉnh Hải Dương	Chuyển tiếp
	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở khu vực kè Ngọc Sơn tương ứng K25+757-K26+307 đê hữu sông Thái Bình thuộc địa bàn TP Hải Dương	DTL	Sở NN&PTNT	0,10		0,10	HNK	xã Ngọc Sơn	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018; QĐ số 3956/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 của UBND tỉnh Hải Dương về việc xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở khu vực kè trên địa bàn tỉnh Hải Dương	Chuyển tiếp
	Xử lý cấp bách công Tiền Tiến tại K33+070 đê tả sông Thái Bình, huyện Thanh Hà	DTL	BQL dự án đầu tư xây dựng tỉnh HD	0,25		0,25	HNK	xã Tiền Tiến	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; Văn bản số 5732/BNN-PCTT ngày 08/8/2019 V/v đề nghị kiểm tra, ra soát các vị trí đề điều xung yếu và sắp xếp thứ tự ưu tiên các dự án cần gia cố cấp bách	Chuyển tiếp
	Kè 2 bên sông Bạch Đằng (đoạn từ cầu Tam Giang đến Âu Thủyên)	DTL	UBND thành phố	2,50	2,30	0,20	DGT (0,1), ODT (0,1)	P Ngọc Châu, P Trần Hưng Đạo, P Trần Phú	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Phù hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Đăng ký mới
	Xây dựng kè kênh T1 đoạn từ đường gom An Định đến sông Sặt	DTL	UBND thành phố	4,39		4,39	NTS+CLN (0,01); HNK (0,06); DTL (1,87); DGT (2,45)	P. Tứ Minh	Công trình theo tuyến	Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 29/01/2021 của UBND thành phố về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500. Không phải trình HĐND thu hồi đất do là các hồ lấn chiếm	Đăng ký mới
c	Đất công trình năng lượng	DNL		2,1488		2,1488					
	Xây dựng mới đường dây trung thế và các TBA phân phối thành phố Hải Dương năm 2019	DNL	Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương	0,0125		0,0125	LUC	P. Ái Quốc	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 23/4/2019; Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; QĐ phê duyệt BCKT-KT số 3530/QĐ-PCHD ngày 03/7/2019 của Công ty TNHH MTV Điện lực HD	Chuyển tiếp, tăng diện tích
	Nâng cao hiệu quả lưới điện trung hạ áp khu vực	DNL	Công ty TNHH MTV Điện lực	0,0317		0,0317	LUC	P. Tân Hưng	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019; QĐ phê duyệt TKBTC số 1537/QĐ-BCT ngày	Chuyển tiếp, tăng diện tích

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tổng diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản có liên quan	Ghi chú
	thành phố Hải Dương	DNL	MTV Điện lực Hải Dương	0,0065		0,0065	LUC	P Thạch Khôi	Công trình theo tuyến	QĐ phê duyệt PĐTC số 1577/QĐ-ĐC ngày 07/5/2018 của Công ty TNHH MTV Điện lực HD	Chuyển tiếp, tăng diện tích
	Đường dây trung thế và các TBA phân phối phía Đông TP Hải Dương năm 2021	DNL	Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương	0,0075		0,0075	LUC	P Lê Thanh Nghị	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; QĐ phê duyệt PA số 4347/QĐ-PCHD ngày 30/7/2020	Đăng ký mới
DNL		0,018			0,018	LUC	P. Tân Hưng	Công trình theo tuyến	Đăng ký mới		
DNL		0,0225			0,0225	LUC	P Ngọc Châu	Công trình theo tuyến	Đăng ký mới		
	Đường dây trung thế và các TBA phân phối phía Tây TP Hải Dương năm 2021	DNL	Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương	0,045		0,045	LUC	P Thạch Khôi	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; QĐ phê duyệt PA số 4365/QĐ-PCHD ngày 30/7/2020	Đăng ký mới
DNL		0,018			0,018	LUC	P Thanh Bình	Công trình theo tuyến	Đăng ký mới		
DNL		0,015			0,015	LUC	P Tứ Minh	Công trình theo tuyến	Đăng ký mới		
DNL		0,0225			0,0225	LUC	P Việt Hòa	Công trình theo tuyến	Đăng ký mới		
	Mở rộng và cải tạo lưới điện trung hạ áp tỉnh Hải Dương (JICA)	DNL	Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương	0,0675		0,0675	LUC	Xã Gia Xuyên	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; QĐ phê duyệt BCNCKT số 2575/QĐ-BCT ngày 28/8/2019	Đăng ký mới
DNL		0,03			0,03	LUC	P Thanh Bình	Công trình theo tuyến	Đăng ký mới		
	Xây dựng mới đường dây 22kV từ TBA 110kV Đồng Niên và cải tạo lộ 475E8,1 cấp điện cho Khu công nghiệp Việt Hòa - Kenmark, TP Hải Dương	DNL	Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương	0,6		0,6	LUC	P Việt Hòa	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; QĐ phê duyệt PA số 4456/QĐ-PCHD ngày 03/8/2020	Đăng ký mới
	Lắp đặt các bộ Recloser trên lưới điện trung áp tỉnh Hải Dương	DNL	Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương	0,0045		0,0045	LUC	P. Nam Đồng	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; QĐ phê duyệt PA số 4376/QĐ-PCHD ngày 30/7/2020	Đăng ký mới
DNL		0,0045			0,0045	LUC	P Thạch Khôi	Công trình theo tuyến	Đăng ký mới		
	Đường dây 220kV nhiệt điện Hải Dương - Trạm 500kV Phố Nối, đoạn tuyến qua huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương	DNL	Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	0,72		0,72	LUC (0,60); DGT (0,06); DTL (0,06)	xã Quyết Thắng 0,10 ha; xã Tiên Tiến 0,05 ha; P Hải Tân 0,07 ha; xã Ngọc Sơn 0,09 ha; P Tân Hưng 0,04 ha; xã Gia Xuyên 0,28 ha; xã Liên Hồng 0,09 ha	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018; VB số 2859/UBND-VP ngày 03/11/2016 của UBND tỉnh Hải Dương v/v thỏa thuận tuyến đường dây 220kV nhiệt điện Hải Dương trạm 500kV phố Nối	Chuyển tiếp, bổ sung thêm 0,25 ha
	Xây dựng đường dây trung thế và các TBA phân phối huyện Thanh Hà năm 2020	DNL	Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương	0,0075		0,0075	LUC	xã Tiên Tiến	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; QĐ phê duyệt PA số 4020/QĐ-PCHD ngày 29/7/2019 của Công ty TNHH MTV Điện lực HD	Chuyển tiếp
	Xây dựng mới và cải tạo ĐZ 35kV lộ 372E8,13; 373E8,13 và các nhánh rẽ - Điện lực Thanh Hà	DNL	Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương	0,0075		0,0075	LUC	xã Quyết Thắng	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; QĐ phê duyệt PA số 4414/QĐ-PCHD ngày 31/7/2020	Đăng ký mới
	Đường dây trung thế và các TBA phân phối huyện Thanh Hà năm 2021	DNL	Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương	0,12		0,12	HNK	xã Quyết Thắng	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; QĐ phê duyệt PA số 3706/QĐ-PCHD ngày 07/7/2020	Đăng ký mới
	Xây dựng đường dây trung thế và các TBA phân phối huyện Thanh Hà năm 2019	DNL	Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương	0,0049		0,0049	LUC	xã Tiên Tiến	Tờ 6,28,9, thửa 7,20,214, 323...	Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 23/4/2019; QĐ phê duyệt BCKT-KT số 940/QĐ-PCHD ngày 08/3/2019 của Công ty TNHH MTV Điện lực HD	Chuyển tiếp, giảm diện tích
	Trạm biến áp 220 kV Gia Lộc và đường dây đầu nối (Trong đó: Đoạn đường dây 220 kV đầu nối từ G1 - G3B đi qua xã Gia Xuyên)	DNL	Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương	0,30		0,3	LUC	xã Gia Xuyên	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Văn bản số 3904/UBND-VP ngày 08/11/2018 của UBND tỉnh Hải Dương về việc thỏa thuận vị trí TBA 220 kV Gia Lộc và đường dây đầu nối	Đăng ký mới

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tổng diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản có liên quan	Ghi chú
	Nâng cao hiệu quả lưới điện trung hạ áp khu vực thành phố Hải Dương - tỉnh Hải Dương	DNL	Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương	0,075		0,075	LUC	xã Gia Xuyên	Tờ 1,2,3, thửa 102,203,15	Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 23/4/2019; Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019; QĐ phê duyệt phê duyệt TKBVTC số 1537/QĐ-BCT ngày 7/5/2018	Chuyển tiếp, tăng diện tích
	Nâng cao hiệu quả lưới điện trung hạ áp khu vực thành phố Hải Dương - tỉnh Hải Dương	DNL	Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương	0,0082		0,0082	LUC	xã Ngọc Sơn	Tờ 2, thửa 1350,1349,1352,1351	Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 23/4/2019; QĐ phê duyệt phê duyệt TKBVTC số 1537/QĐ-BCT ngày 7/5/2018	Chuyển tiếp, tăng diện tích
d	Đất cơ sở y tế	DYT		6,83		6,83					
	Dự án bệnh viện đa khoa Tuệ Tĩnh	DYT	Công ty CP đầu tư Thành Đông	0,61		0,61	TMD	P. Bình Hàn	Tờ 57 (thửa 33)	Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Quyết định số 1644/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng lô CC-1 và CXNT-1 Khu đô thị mới Tuệ Tĩnh	Chuyển tiếp
	Mở rộng khuôn viên Bệnh viện Bệnh nhiệt đới tỉnh Hải Dương	DYT	Bệnh viện nhiệt đới tỉnh Hải Dương	0,12		0,12	ODT	P Thanh Bình	Tờ 21 (thửa 19,26...)	Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018; Văn bản số 3585/UBND-VP ngày 16/10/2018 của UBND tỉnh về việc giải quyết đề nghị của Bệnh viện Bệnh nhiệt đới tỉnh Hải Dương	Chuyển tiếp
	Trung tâm dịch vụ dinh dưỡng và sức khỏe CNC The Sun Hải Dương	DYT	Công ty Cổ phần dinh dưỡng sức khỏe The Sun	3,20		3,20	LUC (2,9); DGT (0,3)	xã Liên Hồng	Tờ 9 thửa 331, 336, 357, 358, 359,.,497	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; Văn bản số 904/UBND-VP ngày 26/3/2019 của Văn phòng UBND tỉnh Hải Dương về tham mưu chấp thuận đề xuất dự án Trung tâm dịch vụ dinh dưỡng và sức khỏe CNC The Sun; Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư số 101/QĐ-UBND ngày 10/01/2020 của UBND tỉnh	Chuyển tiếp
	Trung tâm nghiên cứu điều trị chấn thương chỉnh hình và cột sống	DYT	Công ty TNHH TMDV y tế HMG Việt Nam	2,90		2,90	LUC (2,85); DGT (0,05)	xã Liên Hồng	Tờ 9 thửa 171, 172, 173, 197, 198,.,360, 361	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; Văn bản số 185/VP-TH ngày 09/4/2019 của Văn phòng UBND tỉnh Hải Dương về tham mưu chấp thuận đề xuất dự án	Chuyển tiếp
e	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD		4,91		4,91					
	Dự án đầu tư XD khu thực hiện tiên lâm sàng, khu giáo dục thể chất trường Đại học Kỹ thuật y tế Hải Dương	DGD	Trường đại học kỹ thuật y tế Hải Dương	0,91		0,91	DCH	P Thanh Bình	Tờ 22 (thửa 16)	Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018; Quyết định số 4774/QĐ-BYT ngày 24/10/2017; QĐ số 3795/QĐ-BYT ngày 21/8/2017 của Bộ trưởng Bộ y tế về việc phê duyệt dự án	Chuyển tiếp
	Sân tập thực hành lái xe của Công ty CPTM và sản xuất Lập Phương Thành	DGD	Cty CP Lập Phương Thành	4,00		4,00	LUC (3,71); DGD (0,22); DGT (0,07)	xã Ngọc Sơn	Tờ BĐ số 10 thửa 472-473, 540-544, 588-591, 629, 703, 797, 795, 803, 790, 803, 790, 789, 732	Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 23/4/2019; VB số 454/VP-TH ngày 16/10/2018 của UBND tỉnh về điều chỉnh vị trí thực hiện tư xây dựng sân tập thực hành lái xe của cty CP Lập Phương Thành	Chuyển tiếp
2.2.2	Đất ở nông thôn	ONT		66,47	8,33	58,14					
	Dự án khu đô thị mới phía bắc Cầu Hàn (ONT 5,85 ha; DGT 9,0 ha; DTL 0,7 ha; DKV 1,62 ha)	ONT	Liên danh Licogi 18-Licogi 18,6 - Licogi 18,1	17,17	8,33	8,84	LUC (1,07); DTL (0,18); SKC (0,69); NTS+CLN (6,69); DGT (0,21)	Xã An Thượng	Tờ 3,4,5	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; Văn bản số 3209/UBND-VP ngày 13/9/2019 của UBND tỉnh; Quyết định số 2108/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt QHCT xây dựng khu đô thị mới Bắc Cầu Hàn (phần khu 1) tỷ lệ 1/500; Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị mới Bắc Cầu Hàn (phần khu 1), tỷ lệ 1/500; Thông báo thu hồi đất số 725/TB-UBND ngày 30/8/2019 của UBND thành phố (giai đoạn 1)	Đã thực hiện 8,33 ha; còn lại chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tổng diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản có liên quan	Ghi chú
	Dự án khu dân cư mới xã Quyết Thắng (Tổng khu 9,97 ha, trong đó ONT 3,93 ha, TMD 0,2 ha; DKV 1,01 ha; DTT 0,07 ha; DVH 0,08 ha; DGD 0,13 ha; DGT 4,55 ha)	ONT	UBND thành phố	9,97		9,97	LUC (9,53); DGT (0,2); DTL (0,1); NTD (0,14)	Xã Quyết Thắng	Tờ 9 (thửa 259 ..., 618, 619, ...)	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019; Quyết định số 2793/QĐ-UBND ngày 16/9/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt QHCT Khu dân cư mới xã Quyết Thắng, tỷ lệ 1/500	Chuyển tiếp, bổ sung thêm 0,17 ha
	Dự án khu dân cư đồng Gồm, xã Quyết Thắng (Tổng khu 19,6 ha, trong đó đất ở 7,0 ha, đất hạ tầng 12,6 ha)	ONT	Lựa chọn nhà đầu tư	19,60		19,60	LUC (12,6); DGT (5,0); DTL (2,0)	Xã Quyết Thắng	Tờ 4 (thửa 2, 4, 912, 939..., 1467, 1468, 1469)	Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019; Quyết định số 3602/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế QHCT xây dựng Khu dân cư Đồng Gồm, xã Quyết Thắng	Chuyển tiếp
	Dự án đầu tư xây dựng khu dân cư mới xã Ngọc Sơn (ONT 4,0 ha; DKV 0,36 ha; DGD 0,18 ha; DVH 0,08 ha; DTT 0,22 ha; DGT 5,09 ha)	ONT	Công ty TNHH Tập đoàn Hưng Thịnh	9,93		9,93	LUC	xã Ngọc Sơn	Tờ BD số 2 thửa 638..., 1273; Tờ BD số 5, thửa 20 ..., 139	Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018; QĐ số 3374/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của UBND huyện về việc phê duyệt QHCT xây dựng khu dân cư mới Ngọc Sơn; QĐ số 3863/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 của UBND tỉnh HD vv phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng khu dân cư mới xã Ngọc Sơn	Chuyển tiếp
	Xây dựng khu dân cư mới tại xã Ngọc Sơn (tổng khu 9,8 ha, trong đó ONT 3,20 ha, DHT 6,60 ha)	ONT	UBND thành phố	9,80		9,80	LUC (9,7); DGT (0,07); DTL (0,03)	xã Ngọc Sơn	Tờ 5 (thửa 118, 305...)	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; VB số 3366/UBND-VP ngày 27/9/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương tổ chức khảo sát, lập quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư mới xã Ngọc Sơn	Chuyển tiếp
2.2.3	Đất ở tại đô thị và khu đô thị	ODT		513,33	154,68	358,65					
	Dự án khu Đô thị Tân Phú Hưng (tổng QH điều chỉnh là 43,99 ha, Trong đó: ODT 15,2 ha; TMD 0,49 ha; DGD 2,84 ha; DVH 0,01 ha; TON hiện trạng 2,88 ha; QH MR chứa đồng cao 1,65 ha; DVH 0,1 ha; DKV 2,38 ha; Khu dân cư mới khu 9 phường Hải Tân 2,95 ha; DGT...)	ODT	Công ty Cổ phần đầu tư Newland	43,99	39,68	4,31	LUC (1,11); DGT (0,4); DTL (0,2); ODT (0,88); NTS (0,06); HNK (1,66)	P. Tân Hưng, P. Thạch Khôi	Tờ 5 phường Thạch Khôi	Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018; UBND tỉnh cấp GCN đầu tư số 04121000639 ngày 29/6/2012; QĐ số 393/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500; QĐ số 3859/QĐ-UBND ngày 18/10/2018 của UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư; đang GPMB	Chuyển tiếp (đã thực hiện thêm 17,87 ha)
	Khu dân cư, đô thị Tân Phú Hưng mở rộng (trong đó: ODT 11,79 ha; TMD 0,08 ha; DGD 1,27 ha; DVH 0,1 ha; DKV 5,0 ha; DGT 15,44 ha)	ODT	Liên danh Cty CP đầu tư NewLand và Công ty CPĐT xây dựng NHS	33,68		33,68	LUC (3,99); HNK (10,23); NTS (0,81); DGT (3,9); DTL (1,6); NTD (0,78); TSC (0,03); DGD (3,32); DSH (0,1); SKC (8,64); ODT (0,28)	P. Tân Hưng, P. Thạch Khôi, P. Hải Tân	Tờ 5,3 phường Thạch Khôi	Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018; QĐ số 393/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500	Chuyển tiếp
	KDC Bắc đường Nguyễn Lương Bằng (trong đó: ODT 2,38 ha; TMD 0,79 ha; DGT 1,58 ha; DTL 0,79 ha; DKV 2,38 ha)	ODT	Công ty Cổ phần đầu tư Newland	7,92	5,87	2,05	SKC (1,05); ODT (1,0)	P. Việt Hòa; P. Thanh Bình	Tờ 59 (thửa 4,7,14...)	Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018; QĐ số 1468/QĐ-UBND ngày 11/6/2015 của UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500; QĐ số 1802/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 của UBND tỉnh Hải Dương	Chuyển tiếp
	Khu dân cư mới phường Ngọc Châu (trong đó: ODT 5,52 ha; DVH 0,09 ha; DTT 0,19 ha; DGD 0,54 ha; TMD 0,29 ha; DKV 0,86 ha; NTD hiện có 0,05 ha; DGT 6,57 ha)	ODT	Công ty Cổ phần đầu tư HDLAND	14,11	13,80	0,31	LUC	P. Ngọc Châu, P. Trần Hưng Đạo	Tờ 19 P Ngọc Châu; tờ 11 và 12 P Trần Hưng Đạo	Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 19/6/2018 của UBND tỉnh Hải Dương về phê duyệt quy hoạch chi tiết; Quyết định số 2181/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 về việc phê duyệt lựa chọn nhà đầu tư	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tổng diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản có liên quan	Ghi chú
	Khu đô thị mới Thạch Khôi (ODT 10,94 ha; TMD 0,32 ha; DGD 0,32 ha; DVH 0,31 ha; NTD 0,06 ha; DRA 0,17 ha; DHT 20,40 ha)	ODT	Liên danh Công ty CP Bất động sản Hải Dương và Công ty CP Thanh Bình Hà Nội	32,52		32,52	LUA (26,35); HNK (0,14); NTS (0,48); CLN (0,1); DGT (2,82); DTL (2,28); NTD (0,15); ODT (0,2)	P. Tân Hưng. p.Thạch Khôi	Tờ 5,6,7,8,9 (tỷ lệ 1/500) và tờ 4,8 (tỷ lệ 1/2000) phường Thạch Khôi; Tờ 2,5,6 (tỷ lệ 1/2000) xã Tân Hưng	Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Quyết định số 3348/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất công bố lựa chọn nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh	Chuyển tiếp
	Dự án Khu dân cư đô thị Nam Cầu Hàn (trong đó: ODT 3,88 ha; TMD 1,29 ha; DGT 2,59 ha; DTL 1,29 ha; DKV 3,88 ha)	ODT	Công ty TNHH MTV F One Land	12,93		12,93	LUC (4,1); NTS (5,81); DGT (1,39); DTL (1,63)	P. Việt Hòa (9,4 ha); P. Cẩm Thượng (3,53 ha)	Tờ 10 , 11 (phường Việt Hòa); tờ 6,8 phường Cẩm Thượng	Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018; Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 25/7/2020; Giấy chứng nhận đầu tư số 04121000760 ngày 27/4/2015 của UBND tỉnh; Quyết định số 2218/QĐ-UBND ngày 02/7/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh QHCT xây dựng tỷ lệ 1/500	Chuyển tiếp (đang GPMB)
	Khu đô thị Việt Hòa - Thanh Bình (trong đó ODT 3,67 ha; TMD 0,3 ha; DKV 2,11 ha; DNL 2,42 ha; ODT hiện trạng 1,14 ha; CCC 0,25 ha; DGT 8,41 ha)	ODT	Công ty TNHH tập đoàn Quang Giáp	18,30		18,30	LUC (1,52); DGT (0,66); DTL (1,01); TMD (0,10); HNK (0,17); DNL (0,69); ODT (0,01); SKN (0,23); DGT (0,04); LUC 5,10 ha; DGT 1,56 ha; DTL 0,59 ha; ODT 1,54 ha; NTS 1,32 ha; HNK 1,42 ha; DRA 0,02 ha; TMD 0,18 ha; DGT 1,17 ha; SKN 0,97 ha	P. Thanh Bình (4,16 ha); P. Cẩm Thượng (0,27 ha); P. Việt Hòa (13,87 ha)	Tờ 87,88,93,94,1 P, Thanh Bình; Tờ 42 (thửa 55...) P, Cẩm Thượng; Tờ 63,64,31,32 P, Việt Hòa	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; QĐ số 3602/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 của UBND tỉnh Hải Dương VV phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án; Quyết định số 3976/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của UBND tỉnh Hải Dương về phê duyệt QHCT xây dựng KDT Việt Hòa - Thanh Bình tỷ lệ 1/500	Chuyển tiếp
	Dự án khu Đô thị Phú Quý (Goldenland) (Tổng dự án 87,8 ha, giai đoạn 1 là 52,63 ha (trong đó: ODT: 17,15 ha; TMD: 0,90 ha; DGT: 25,0 ha; DTL: 2,53 ha; DKV: 6,85 ha; DRA: 0,20 ha)	ODT	Liên danh Công ty TNHH tập đoàn Quang Giáp và Công ty TNHH Đức Dương	52,63	44,75	7,88	LUC (4,89); DGT (1,49); MNC (0,11); ODT (1,05); SKK (0,09); NTS (0,25)	P. Tân Hưng. p.Thạch Khôi	Tờ 3, 4, 7, 8	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; QĐ số 3768/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của UBND tỉnh Hải Dương quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án Khu đô thị Phú Quý (Goldenland)	Chuyển tiếp (đã thực hiện thêm 8,8 ha)
	Dự án đầu tư xây dựng khu dân cư, dịch vụ thương mại (tại vị trí quy hoạch làng nghề mộc Đức Minh) (trong đó: ODT 0,49 ha; TMD 0,18 ha; DVH 0,05 ha; DGT 0,5 ha; DTL 0,18 ha; DKV 0,54 ha)	ODT	Liên danh công ty CP tập đoàn bất động sản Hải Hưng - CTCP Thanh Bình Hà Nội	1,94		1,94	LUC	P. Thanh Bình	Tờ 70 (thửa 17,18,50,51...)	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 25/7/2020; QĐ số 1311/QĐ-UBND ngày 20/5/2020 Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án	Chuyển tiếp
	Đầu giá đất khu 1 (106 m2); khu 3 (24 m2); giáp đường Nguyễn Văn Linh (160 m2)	ODT	UBND phường	0,05		0,05	HNK (0,0106); NTS (0,0244); DTL (0,0160)	P. Thanh Bình	Thửa 42, 39 (bổ sung tờ, thửa)	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; Đề án số 1200/ĐA-UBND ngày 20/12/2013 của UBND TP; Tờ trình số 01/TTr-UBND ngày 06/01/2015 của UBND phường về việc xin đầu giá các vị trí đất xen kẹp nhỏ lẻ thuộc khu đô thị mới phía Tây thành phố giáp khu dân cư số 1,2,4 và 5 phường Thanh Bình	Chuyển tiếp
	Xây dựng điểm dân cư khu 2	ODT	UBND phường	0,0615		0,0615	HNK	P. Thanh Bình	Thửa 96	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của UBND thành phố về việc phê duyệt QHCT xây dựng điểm dân cư khu 2, tỷ lệ 1/500	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tổng diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản có liên quan	Ghi chú
	Xây dựng khu nhà ở hỗn hợp cao tầng Ngô Quyền	ODT	UBND thành phố	1,80		1,80	LUC (0,21); ODT (0,2), DGT (0,5), SKC (0,89)	P Thanh Bình	Tờ 3 thửa 18,19,20,...	Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 25/7/2020; Thông báo số 41/TB-VP ngày 24/02/2020 của Văn phòng UBND tỉnh Hải Dương về việc Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp Lãnh đạo UBND tỉnh ngày 21/02/2020 trong đó có nội dung xây dựng khu nhà ở hỗn hợp cao tầng của dự án khu dịch vụ khách sạn cao tầng Thành Công; Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 27/3/2020 của UBND thành phố về việc giao đơn vị tư vấn khảo sát lập nhiệm vụ, đồ án QHCT xây dựng khu nhà ở hỗn hợp cao tầng Ngô Quyền	Chuyển tiếp
	Khu nhà ở phường Nhị Châu (khu dân cư phía Nam đường sắt) (trong đó ODT 5,5 ha; DKV 0,86 ha; DGD 0,31 ha; DVH 0,05 ha; DYT 0,02 ha; TMD 0,15 ha; DGT 6,59 ha)	ODT	Công ty CP đầu tư Newland	13,48	12,91	0,57	LUC (0,4), ODT (0,1), DGT (0,07)	P.Nhị Châu	Tờ 18	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; QĐ số 1703/QĐ-UBND ngày 06/6/2012 của UBND TPHD phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500; QĐ số 345/QĐ-UBND ngày 24/1/2017 của UBND tỉnh phê duyệt lựa chọn nhà đầu tư	Chuyển tiếp
	Xử lý đất xen kẹt, đấu giá quyền sử dụng đất (tại đường Lê Quý Đôn - 325 m2)	ODT	UBND phường	0,07	0,04	0,03	NTS (0,03)	P. Hải Tân	Tờ 6 (thửa 23); tờ 25 (thửa 31)	Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Xử lý đất dôi dư xen kẹt, đấu giá quyền sử dụng đất; Công văn số 42/CV-UBND ngày 17/5/2019 của UBND phường về việc đề nghị xin chuyển mục đích sử dụng 02 lô đất phường Hải Tân	Bá Liễu đã thực hiện; Chuyển tiếp Lê Quý Đôn
	Chuyển mục đích đất xen kẹt trong khu dân cư	ODT	UBND phường	0,006		0,006	NTS	P. Hải Tân		Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Đề án 1200 của UBND thành phố và QH xây dựng phường	Đăng ký mới
	Khu dân cư phường Hải Tân (trong đó ODT 2,76 ha; TMD 0,29 ha; CCC 0,16 ha; DGD 0,48 ha; DKV 1,08 ha; MNC 0,92 ha; DGT 3,10 ha)	ODT	UBND thành phố	8,79		8,79	LUC (4,19); NTS (2,22); NTD (0,04); MNC (0,76); ODT (0,01); TMD (0,04); DGT (1,23); DTL (0,3)	P. Hải Tân	Tờ 67; tờ 8	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Báo cáo số 211/BC-BCSD ngày 28/9/2020 của Ban cán sự Đảng về việc triển khai các công trình trọng điểm trên địa bàn thành phố Hải Dương	Đăng ký mới
	Khu dân cư đường Bà Triệu (trong đó: ODT 0,52 ha; DVH 0,02 ha; TMD 0,1 ha; DKV 0,06 ha; DGT 0,58 ha)	ODT	Công ty TNHH Toàn Gia	1,28		1,28	SKC (1,16 ha); ODT (0,03 ha); DGT (0,09 ha)	P. Phạm Ngũ Lão	Tờ 38 (thửa 89,90)	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; QĐ số 3291/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 của UBND tỉnh về phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư đường Bà Triệu phường Phạm Ngũ Lão, tỷ lệ 1/500	Chuyển tiếp
	Điều chỉnh cục bộ khu vực 1 - phía Bắc đường Phạm Ngũ Lão thuộc QHCT Xây dựng khu vực trung tâm Phường Phạm Ngũ Lão (trong đó ODT 3,20 ha; DTT 0,01 ha; DVH 0,04 ha; DGD 0,17 ha; DVH 0,02 ha; DKV 0,55 ha; ODT hiện trạng 0,36 ha; DGT 5,28 ha)	ODT	Lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án	9,63		9,63	SKC (8,18); ODT (0,36); DGT (1,09)	P. Phạm Ngũ Lão	Tờ 2,3,4,5 (thửa 30)	Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 23/4/2019; QĐ số 3397/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 khu vực trung tâm phường Phạm Ngũ Lão (KDC Máy sứ)	Chuyển tiếp
	Dự án KDC phía Nam đường Tôn Đức Thắng (trong đó: ODT 0,58 ha; DVH 0,03 ha; DKV 0,04 ha; DTL 0,05 ha; DGT 0,36 ha)	ODT	Công ty Cổ phần đầu tư Newland	1,06	0,58	0,48	DGT (0,1), MNC (0,38)	P. Lê Thanh Nghị	Tờ 10, 11	Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018; QĐ số 368/QĐ-UBND ngày 10/02/2015 của UBND TPHD phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500; QĐ số 2532/QĐ-UBND ngày 05/10/2015 chấp thuận dự án	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tổng diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản có liên quan	Ghi chú
	Dự án khu dân cư Trái Bàu đoạn 2 (trong đó: ODT 3,25 ha; DVH 0,04 ha; DGD 0,7 ha; DKV 0,32 ha; DGT 2,99 ha)	ODT	Lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án	7,30		7,30	ODT 1,01 ha; HNK 0,12 ha; DGT 0,58 ha; DTL 0,01 ha; SON 5,58 ha	P. Lê Thanh Nghị (2,85 ha); phường Hải Tân (4,45 ha)	Tờ 4+9+10+11+12+22	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; Công văn số 1240/UBND-VP ngày 22/4/2019 của Văn phòng UBND tỉnh về việc thực hiện QHCTXD mở rộng khu dân cư Trái Bàu đoạn 2 bên bờ nổi sông chính đến bến xe Hải Tân; Quyết định số 2145/QĐ-UBND ngày 01/9/2017 của UBND thành phố về việc phê duyệt điều chỉnh QHCT lần 2	Chuyển tiếp
	Dự án khu dân cư Trái Bàu (trong đó: ODT 3,25 ha; DVH 0,04 ha; DGD 0,7 ha; DKV 0,32 ha; DGT 2,97 ha)	ODT	Công ty Cổ phần Thái Sơn Bắc Hà	7,28	6,23	1,05	MNC	P. Lê Thanh Nghị	Tờ 14,69	Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; Quyết định số 2145/QĐ-UBND ngày 01/9/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500; Quyết định số 628/QĐ-UBND ngày 09/2/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án khu dân cư Trái Bàu (đã có QĐ giao đất, CMD lần 1 tại QĐ số 1682/QĐ-UBND ngày 15/5/2019)	Chuyển tiếp
	Xử lý đất xen kẹt tại phường Lê Thanh Nghị	ODT	UBND phường	0,0048		0,0048	DGT	P. Lê Thanh Nghị	Tờ 12 (thửa 112)	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; Đề án 1200 của UBND thành phố và QH xây dựng phường (vị trí đầu giá chỉ gồm 1 lô)	Chuyển tiếp
	Xây dựng điểm dân cư mới phố Thống Nhất (trong đó ODT 0,3 ha; DGT 0,21 ha)	ODT	Lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án	0,51		0,51	ODT (0,01); SKC (0,45); DGT (0,05)	P. Lê Thanh Nghị	Tờ 9 (thửa 1,2)	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; QĐ số 2216/QĐ-UBND ngày 02/7/2019 của UBND tỉnh Hải Dương Vv phê duyệt QHCT điểm dân cư mới phố Thống Nhất	Chuyển tiếp
	Khu công cộng và tái định cư phường Lê Thanh Nghị	ODT	UBND phường	0,41		0,41	SKC	P. Lê Thanh Nghị	Tờ 15, tờ 17	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; Thông báo 293/TB-UBND ngày 02/5/2019 của UBND thành phố về việc QHCT xây dựng khu công cộng và tái định cư phường Lê Thanh Nghị	Chuyển tiếp
	Đầu giá ngô Lò Vôi	ODT	UBND phường	0,008		0,008	DTL	P. Lê Thanh Nghị	Tờ 58 thửa 29	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; Vị trí đầu giá chỉ gồm 1 lô	Chuyển tiếp
	Khu tái định cư Ngọc Châu (trong đó: ODT 2,55 ha, TMD 0,85 ha; DGT 1,7 ha; DTL 0,85 ha; DKV 2,55 ha)	ODT	UBND thành phố	8,50	6,81	1,69	LUC (0,2 ha); DGT (0,69 ha); ODT (0,30 ha); NTD (0,50 ha)	P. Ngọc Châu	Tờ 60,61	Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018; Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng số 2228/QĐ-UBND ngày 28/9/2012 của UBND tỉnh Hải Dương	Chuyển tiếp
	Đầu giá QSDĐ khu 18 (2 vị trí 101,5 m2); Khu 5 (120 m2)	ODT	UBND phường	0,02215		0,02215	HNK	P. Ngọc Châu	Tờ 30 (thửa 59, giáp thửa 34); Tờ 23 (thửa 96);	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; Nằm trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 (Vị trí đầu giá chỉ gồm 1 lô)	Chuyển tiếp
	Xử lý đất xen kẹt khu dân cư số 8 (102 m2); khu 13 (20 m2); khu 9 (20,2 m2)	ODT	UBND phường	0,01422		0,01422	HNK	P. Ngọc Châu	Tờ 31 (thửa 16); Tờ 45 (giáp thửa 156)	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; Nằm trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chuyển tiếp
	Điểm dân cư khu 6 Tân Bình (bổ sung thêm diện tích)	ODT	UBND phường	0,17		0,17	CLN (0,14 ha); HNK (0,03 ha)	P. Tân Bình	Tờ 90 (thửa 579)	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Quyết định số 2351/QĐ-UBND ngày 10/11/2016 của UBND thành phố về việc phê duyệt điều chỉnh QHCT xây dựng điểm dân cư - dịch vụ thương mại khu 6 phường Tân Bình	Chuyển tiếp
	Đất hỗn hợp, thương mại và nhà ở	ODT	UBND thành phố	0,03		0,03	DKV	P. Tân Bình		Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Công văn số 460/UBND-VP ngày 20/02/2019 của UBND tỉnh Hải Dương về điều chỉnh cục bộ QHCT	Đăng ký mới

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tổng diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản có liên quan	Ghi chú
	Dự án khu dân cư Trần Nội, phường Thạch Khê (trong đó ODT 1,73 ha; DKV 0,5 ha; DGT 2,72 ha)	ODT	UBND thành phố	4,95		4,95	LUC (4,5); DGT (0,35); DTL (0,1)	P. Thạch Khê	Tờ 07 (thửa 468,543,585,619,632,...)	Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019; Công văn số 512/UBND-KHTC ngày 20/5/2019 của UBND TP về việc lập đề xuất chủ trương và giao nhiệm vụ chủ đầu tư	Chuyển tiếp
	Xây dựng điểm dân cư Lê Quán (trong đó: ODT 0,7 ha)	ODT	UBND phường	1,75		1,75	LUC (1,2); DTT (0,12); NTS (0,07); DTL (0,07); DGT (0,29)	P. Thạch Khê	Tờ 03 (thửa 1175-1180,1255-1259,1304-1308)	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 của UBND TP về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 điểm dân cư Lê Quán, phường Thạch Khê	Chuyển tiếp
	Đầu giá đất nhà trẻ Lê Quán (225 m2); nhà văn hóa Lê Quán (100 m2); nhà trẻ Trại Thọ (250 m2)	ODT	UBND phường	0,0575		0,0575	DGD (0,0225); DVH (0,01); DGD (0,025)	P. Thạch Khê	Tờ 9 (thửa 168); Tờ 9 (thửa 165); Tờ 10 (thửa 38)	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; Năm trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chuyển tiếp
	Điểm dân cư mới phía Tây thôn Trần Nội	ODT	UBND thành phố	1,00		1,00	LUC (0,9); DGT (0,07); DTL (0,03)	P. Thạch Khê	Tờ 7 (thửa 287,288,405,406...)	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; Kết luận số 21-KL/TU ngày 1/10/2019 của Thành ủy Hải Dương về chủ trương xây dựng nhà ở xã hội, các dự án tạo nguồn theo Đề án 1200/ĐA-UBND ngày 20/12/2013 của UBND thành phố	Chuyển tiếp
	Khu đô thị mới Xuân Dương (trong đó ODT 8,9 ha; TMD 0,42 ha; TIN 0,72 ha; NTD 0,38 ha; DVH 0,12 ha; DGD 0,27 ha; MNC 5,05 ha; DKV 2,6 ha; DTL 0,37 ha; DGT 11,82 ha)	ODT	UBND thành phố	30,65		30,65	HNK (0,25); CLN (2,69); NTS (22,77); DGT (0,51); DTL (0,86); ODT (1,75); TIN (0,68); NTD (0,28); DRA (0,58); SON (0,28)	P. Tứ Minh	Tờ 36,37,49,50,92,93	Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; QĐ số 3665/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 của UBND tỉnh về phê duyệt Hồ sơ yêu cầu lựa chọn nhà đầu tư	Chuyển tiếp (đang thực hiện)
	Khu tái định cư đường gom QL5A (trong đó: ODT 1,87 ha; DKV 1,17 ha; DGT 1,64 ha)	ODT	UBND thành phố	4,68	0,35	4,33	LUC (3,22 ha); NTS (0,39 ha); DGT (0,72 ha)	P. Tứ Minh	Tờ 94 (thửa 101,,,145...501...)	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; Văn bản số 2079/UBND-VP ngày 19/8/2016 của UBND tỉnh Hải Dương; đang thực hiện	Chuyển tiếp (đang thực hiện)
	Khu dân cư mới thôn Tứ Thông, phường Tứ Minh	ODT	UBND thành phố	4,85		4,85	LUC (1,0); NTS (2,85); CLN (1,0)	P. Tứ Minh	Tờ 46,47,55,56	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; Kết luận số 21-KL/TU ngày 1/10/2019 của Thành ủy Hải Dương về chủ trương xây dựng nhà ở xã hội, các dự án tạo nguồn theo Đề án 1200/ĐA-UBND ngày 20/12/2013 của UBND thành phố	Chuyển tiếp
	Khu dân cư mới Cẩm Khê	ODT	UBND thành phố	8,07		8,07	LUC (6,6); ODT (0,25), DVH (0,43); DGD (0,09), NTS (0,18); HNK (0,30); CLN (0,05); DGT (0,14); DTL (0,03)	P. Tứ Minh	Tờ 12	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 25/7/2020; Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Nhiệm vụ thiết kế Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu DC mới Cẩm Khê, Phường Tứ Minh, TP Hải Dương, tỷ lệ 1/500	Chuyển tiếp
	Khu dân cư Đại An II (trong đó: ODT 14,67 ha; DHT... 30,14 ha)	ODT	UBND thành phố	40,8		40,8	SKK	P. Tứ Minh	Tờ 91 (thửa 9,10,... 44,45)	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 16/04/2020 của HĐND tỉnh; Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư Đại An II	Chuyển tiếp (đang thực hiện)
	Điểm dân cư mới thuộc khu Lộ Cương	ODT	UBND thành phố	0,88		0,88	NTS (0,75); DTL (0,13)	P. Tứ Minh	Tờ 41 (thửa 111,112,113,114,115,125); tờ 52 (thửa 14,29,30,33)	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Quyết định số 2411/QĐ-UBND ngày 28/8/2014 về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới thuộc khu Lộ Cương; Thông báo thu hồi đất số 592/TB-UBND ngày 12/7/2017 của UBND thành phố	Đăng ký mới

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tổng diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản có liên quan	Ghi chú
	Điểm dân cư mới thuộc khu Thượng Đạt	ODT	UBND thành phố	0,05		0,05	NTS (0,05 ha)	P. Tứ Minh	Tờ 18 (thửa 119)	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Quyết định số 2412/QĐ-UBND ngày 28/8/2014 về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới thuộc khu Thượng Đạt	Đăng ký mới
	Khu dân cư phía Tây phường Tứ Minh	ODT	UBND thành phố	6,62		6,62	LUC	P. Tứ Minh	Tờ 13 (thửa 47,48,55,59,...); Tờ 19 (thửa 1,2,3,10,26,...); Tờ 20 (thửa 26,87,88,...); Tờ 93 (thửa 22,23,24,31,32,33,...)	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Báo cáo số 211/BC-BCSD ngày 28/9/2020 của Ban cán sự Đảng về việc triển khai các công trình trọng điểm trên địa bàn thành phố Hải Dương	Đăng ký mới
	Khu dân cư đô thị Đồng Niên (trong đó: ODT 3,4 ha; TMD 1,0 ha; DGT 2,1 ha; DTL 0,73 ha; DKV 2,5 ha)	ODT	Công ty CP tập đoàn Hà Phương	9,73		9,73	LUC (9,6 ha); DGT (0,13 ha)	P. Việt Hòa	Tờ 55, 56, 63	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư đô thị Đồng Niên	Chuyển tiếp (đang GPMB)
	Dự án khu dân cư phía Đông đường Tân Dân (trong đó ODT 2,94 ha; DGD 0,2 ha; DVH 0,05 ha; DKV 0,46 ha; DGT 3,38 ha)	ODT	UBND thành phố	7,03		7,03	LUC (4,81); ODT (0,03); HNK (0,03); NTS (1,15); DGT (0,57); DTL (0,44)	P. Việt Hòa	Tờ 13 (thửa 72,104,102,160,161)	Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019; Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 13/5/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư phía Đông đường Tân Dân; Thông báo thu hồi đất số 1357/TB-UBND ngày 31/1/2019 của UBND thành phố	Chuyển tiếp (đang GPMB)
	Xây dựng khu dân cư phía Bắc đường phố Văn (khu 1) phường Việt Hóa (trong đó ODT 1,30 ha; DKV 0,5 ha; DGT 1,9 ha)	ODT	Ban QLDA đầu tư XDCB thành phố	3,70		3,70	LUC (1,3); CLN (0,5); NTS (1,5); HNK (0,4)	P. Việt Hòa	Tờ 13 (thửa 8,17,27,31,32,...)	Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019; Công văn số 512/UBND-KHTC ngày 20/5/2019 của UBND TP về việc lập đề xuất chủ trương và giao nhiệm vụ chủ đầu tư	Chuyển tiếp
	Xây dựng Điểm dân cư mới khu 3 phường Việt Hòa (trong đó ODT 1,49 ha; DKV 0,5 ha; DGT 2,26 ha)	ODT	Ban QLDA đầu tư XDCB thành phố	4,25		4,25	LUC (2,7); CLN (1,0); DVH (0,03); DGT (0,4); DTL (0,12)	P. Việt Hòa	Tờ 12 (thửa 12)	Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019; Công văn số 512/UBND-KHTC ngày 20/5/2019 của UBND TP về việc lập đề xuất chủ trương và giao nhiệm vụ chủ đầu tư	Chuyển tiếp
	Điểm dân cư mới Văn Xá - Tiền Hải	ODT	UBND phường	2,40		2,40	LUC (2,00); NTS (0,3); DGT (0,1)	P. Ái Quốc	Tờ 12 (thửa 147,158,...)	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 25/7/2018 của HĐND phường Ái Quốc về việc sử dụng quỹ đất nông nghiệp chuyển mục đích để đầu tư giá quyền sử dụng đất cho người dân xây dựng nhà ở	Chuyển tiếp
	Khu dân cư dịch vụ thương mại Tiền Trung, phường Ái Quốc (trong đó ODT 4,65 ha; DKV 0,5 ha; DGT 8,13 ha)	ODT	Lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án	13,28		13,28	LUC (8,89); NTS (1,0); CLN (1,2); HNK (0,19); DGT (1,5); DTL (0,5)	P. Ái Quốc	Tờ 36,41,8	Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019; Văn bản số 1096/UBND-Vp ngày 10/4/2019 của Văn phòng UBND tỉnh về việc lập quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư dịch vụ thương mại Tiền Trung	Chuyển tiếp
	Khu dân cư Tiền Đạt	ODT	UBND phường	1,10		1,10	LUC (1,0); CLN (0,05); DGT (0,03); DTL (0,02)	P. Ái Quốc	Tờ 2 (thửa 733-738); Tờ 5 (thửa 31-39; 147-150; 210-215; 220; ...)	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Quyết định số 2771/QĐ-UBND ngày 02/07/2019 của UBND thành phố về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư Tiền Đạt, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỷ lệ 1/500	Đăng ký mới
	Khu dân cư Quán Thánh (trong đó: ODT 0,67 ha; DGT 0,47 ha; DTL 0,20 ha)	ODT	Công ty cổ phần Vật tư và giấy dép xuất khẩu Hải Hưng	1,34		1,34	SKC	P. Bình Hàn	Tờ 12 (thửa 63)	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; Quyết định số 3552/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu dân cư Quán Thánh	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tổng diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản có liên quan	Ghi chú
	Đất xen kẹt phường Bình Hàn	ODT	UBND phường	0,23		0,23	HNK (0,2); DGT (0,02); DTL (0,01)	P. Bình Hàn	Tờ 23(131); Tờ 30(28); Tờ 31(81); Tờ 17 (238), (74); tờ 36; Tờ 33(5a); Tờ 35	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; Xử lý đất dôi dư xen kẹt	Chuyển tiếp
	Dự án khu dân cư đô thị Đá Mài (trong đó ODT 1,92 ha; DGD 0,08 ha; DVH 0,04 ha; DRA 0,05 ha; DKV 0,2 ha; DGT 1,92 ha)	ODT	Lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án	4,21		4,21	SKC	P. Bình Hàn	Tờ 23 thửa 9	Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 23/4/2019; QĐ số 761/QĐ-UBND ngày 04/03/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án	Chuyển tiếp
	Điểm dân cư xen kẹt khu 4	ODT	UBND phường	0,06		0,06	HNK	P. Bình Hàn	Tờ 10 (thửa: 54,55...)	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; Thực hiện Kết luận thanh tra số 212 ngày 31/12/2018 của UBND thành phố	Chuyển tiếp
	Điểm dân cư xen kẹt khu 12	ODT	UBND phường	0,07		0,07	HNK	P. Bình Hàn	Tờ 35		Chuyển tiếp
	Khu dân cư mới Thanh Liễu- Liễu Tràng	ODT	UBND thành phố	5,00		5,00	LUC (4,24); DGT (0,5); DTL (0,26)	P. Tân Hưng	Tờ 5 (thửa 354,366,387,...); Tờ 6 (thửa 754,755,756,.....)	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Thông báo số 1759/TB-TU ngày 25/5/2020 của Tỉnh ủy về Kết luận của Ban thường vụ tỉnh ủy về một số công việc trọng tâm đối với công tác quản lý và phát triển đô thị của thành phố Hải Dương	Đăng ký mới
	Giao đất liền kề cho hộ dân	ODT	UBND thành phố	0,001		0,001	DGT	P. Quang Trung	Tờ 16 thửa 596	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 25/7/2020; Quyết định số 1960/QĐ-UBND ngày 04/7/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh QH chung thành phố Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Chuyển tiếp
	Khu đô thị phía Nam thành phố Hải Dương	ODT	Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Thành Đông	65,00	23,66	41,34	LUC (34,84); DGT (3,9); DTL (2,6)	xã Liên Hồng (39,85 ha); xã Gia Xuyên (1,49 ha)	Tờ 5 (thửa 1-3, 6-8, 11, 13-19, 21-23, 27, 28, 32, 33, 34, 39 -57,...); Tờ 9 (58- 109,...); tờ 10 (thửa 1-279,...); Tờ 11, 12, 13, 14	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 16/04/2020 của HĐND tỉnh; Văn bản số 1680/TTg-KTN ngày 17/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển mục đích đất trồng lúa; Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh QHCT xây dựng khu đô thị phía Nam thành phố Hải Dương	Chuyển tiếp
	Dự án Khu Lâm viên và quảng trường đại lộ Hồ Chí Minh (trong đó: ODT 2,8 ha; DHT ... 9,32 ha)	ODT	UBND thành phố	12,12		12,12	SKC (6,89), DTS (0,3), DVH (0,28), DKV (1,45) P Nguyễn Trãi; TSC (0,63), SKC (1,22) P Quang Trung; DTT (1,35) P Trần Phú	P Trần Phú. P Nguyễn Trãi. P Quang Trung	Tờ 7; 11 (P.Nguyễn Trãi); Tờ 7 (P.Trần Phú); Tờ 13;15 (P.Quang Trung)	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; QĐ số 2400/QĐ-UBND ngày 18/8/2020 của UB tỉnh về việc phê duyệt QHSD đất đến năm 2020 TPHD	Đăng ký mới
	Khu dân cư tại trụ sở UBND thành phố cũ tại số 2 phố Đồng Xuân	ODT	UBND thành phố	0,25		0,25	TSC	P. Trần Phú	Thửa 35 tờ 7	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; QĐ số 976/QĐ-UBND ngày 27/4/2015 của UBND thành phố Hải Dương về việc phê duyệt QHCT xây dựng Khu dân cư tại trụ sở UBND thành phố cũ tại số 2 phố Đồng Xuân	Đăng ký mới
	Xử lý đất xen kẹt phường Trần Phú sang đất ở	ODT	UBND phường	0,003		0,003	DGT	P. Trần Phú	Tờ 7 thửa 484	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Đề án 1200 của UBND thành phố và QH xây dựng phường	Đăng ký mới
	Xử lý đất xen kẹt trong khu dân cư	ODT	UBND phường	0,01		0,01	DGT	P. Trần Phú			Đăng ký mới
	Đầu giá đất ở tại NVH khu 1 cũ	ODT	UBND phường	0,01		0,01	DVH	P. Trần Phú	Tờ 8 (thửa 136)		Đăng ký mới
	CMD sang đất ở tại Hội chữ thập đỏ thành phố	ODT	UBND phường	0,01		0,01	TSC	P. Trần Phú		Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Quyết định số 2400/QĐ-UBND ngày 18/8/2020 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 TP Hải Dương	Đăng ký mới
	Xử lý dây nhà ở tập thể nhà máy cơ khí tinh thuộc KDC 3	ODT	UBND phường	0,03		0,03	SKC	P. Trần Phú			Đăng ký mới
	CMĐ các nhà văn hóa KDC cũ (Khu 01, 4) sang đất ở	ODT	UBND phường	0,02		0,02	DVH	P. Trần Phú	Tờ 10 thửa 352; Tờ 8 thửa 136		Đăng ký mới

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tổng diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản có liên quan	Ghi chú
	Điểm dân cư mới KDC Tân Lập	ODT	UBND phường	0,36		0,36	NTS	P. Nam Đồng	Tờ 46 (thửa 11)	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Thông báo số 327/TB-UBND ngày 10/7/2020 của UBND thành phố về việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới xã Nam Đồng (nay là khu dân cư Tân Lập, phường Nam Đồng)	Đăng ký mới
	Điểm dân cư mới Khu Nhân Nghĩa	ODT	UBND phường	0,26		0,26	LUC (0,2); DTL (0,04); DGT (0,02)	P. Nam Đồng	Tờ 49 (thửa 50-64)	Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Thực hiện đề án 1200 của UBND thành phố Hải Dương (Đất xen kẹt, dôi dư)	Đăng ký mới
2.2.4	Đất nghĩa trang nghĩa địa	NTD		1,84	0,34	1,50					
	Xây dựng mở rộng nghĩa trang nhân dân thành phố Hải Dương	NTD	UBND thành phố	1,84	0,34	1,50	LUC	P. Tân Hưng	Tờ 07	Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018; Quyết định số 1539/QĐ-UBND ngày 25/6/2010 của UBND TP HD về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết và Giấy chứng nhận đầu tư số 0412.1000654 của UBND tỉnh Hải Dương cấp ngày 17/01/2013	Chuyển tiếp, bổ sung thêm 1,02 ha
2.2.5	Đất cơ sở tôn giáo	TON		2,00		2,00					
	Mở rộng chùa Đồng Cao thôn Khuê Liễu	TON	Chùa Đồng Cao	2,00		2,00	LUC 1,95 ha; DGT 0,04 ha; NTD 0,01 ha	P. Tân Hưng	Tờ 3,5	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; Văn bản số 1841/UBND-VP ngày 07/6/2016 của UBND tỉnh về việc bồi thường, hỗ trợ chùa Đồng Cao thôn Khuê Liễu, xã Tân Hưng	Chuyển tiếp
II	Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất			46,10		46,10					
I	Đất thương mại dịch vụ	TMD		26,53		26,53					
	Dự án đầu tư giá quyền sử dụng đất thuê 50 năm theo hình thức trả tiền một lần cho cả thời gian thuê kèm theo chuyển nhượng tài sản trên đất Trục sở cũ của Sở Tài nguyên Môi trường	TMD	Lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án	0,42		0,42	TSC	P. Tứ Minh	Tờ 3 (thửa 33)	CV số 2635/UBND-VP v/v triển khai thực hiện Thông báo số 999-TB/TU ngày 31/7/2018 của Tỉnh ủy Hải Dương về việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trên địa bàn tỉnh Hải Dương	Chuyển tiếp (đang thực hiện); bổ sung thêm 0,01 ha
	Dự án đầu tư giá quyền sử dụng đất thuê 50 năm kèm theo chuyển nhượng tài sản trên đất thuộc sở hữu Nhà nước Trục sở cũ của Viện kiểm sát nhân dân TP Hải Dương	TMD	Lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án	0,08		0,08	TSC	P. Tân Bình	Tờ 17 (thửa 6)	CV số 2635/UBND-VP v/v triển khai thực hiện Thông báo số 999-TB/TU ngày 31/7/2018 của Tỉnh ủy Hải Dương về việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trên địa bàn tỉnh Hải Dương	Chuyển tiếp
	Điều chỉnh cục bộ khu thương mại du lịch- văn hóa và đô thị mới phía Tây	TMD	UBND thành phố	0,03		0,03	ODT	P. Tân Bình		Công văn số 460/UBND-VP ngày 20/02/2019 của UBND tỉnh Hải Dương	Đăng ký mới
	Dự án đầu tư giá quyền sử dụng đất thuê 50 năm kèm theo chuyển nhượng tài sản trên đất thuộc sở hữu Nhà nước Trục sở cũ Chi cục thuế Hải Dương, số 67 Bạch Đằng	TMD	Lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án	0,06		0,06	DTS	P. Trần Phú	Tờ 06 (thửa 56)	Quyết định số 2955/QĐ-UBND ngày 23/8/2019, Quyết định số 646/QĐ-UBND ngày 12/3/2020 của UBND tỉnh	Đăng ký mới
	Dự án đầu tư giá quyền sử dụng đất Phòng giao dịch Trần Hưng Đạo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (số 17 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, TPHD)	TMD	Lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án	0,07		0,07	TSC	P. Trần Hưng Đạo	Tờ 5 thửa 7	UBND tỉnh có QĐ thuê đất, ngân hàng đã trả tiền thuê đất nhưng chưa được cấp giấy CNQSD	Đăng ký mới
	Dự án cửa hàng kinh doanh xăng dầu và dịch vụ thương mại Anh Khôi	TMD	Thương mại Anh Khôi	0,45		0,45	NTS (0,22); CLN (0,13); DGT (0,08); DTL (0,02)	P. Tứ Minh	Tờ 27 (thửa 1,2,3)	Văn bản số 07/VP-TH ngày 09/01/2019 của Văn phòng UBND tỉnh về việc tham mưu đề xuất thực hiện dự án đầu tư xây dựng cửa hàng kinh doanh và thương mại dịch vụ Anh Khôi	Chuyển tiếp (đang thực hiện)

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tổng diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản có liên quan	Ghi chú
	Dự án đầu tư Điểm du lịch nghỉ dưỡng Luxury Homestay Resort	TMD	Công ty cổ phần dịch vụ HOMESTAY LUXURY	1,36		1,36	LUC (1,28); DGT (0,05); DTL (0,03)	Xã An Thượng	Tờ 02 (thửa 3-5,7-9,12-16,17-21-23-27-3032,...)	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 25/7/2020 của HĐND tỉnh (LUC 9600 m ²); Quyết định số 3236/QĐ-UBND ngày 26/10/2020 của UBND tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Điểm du lịch nghỉ dưỡng HOMESTAY LUXURY RESORT của Công ty cổ phần dịch vụ Homesfay Resort	Chuyển tiếp
	Dự án Trung tâm tổ chức sự kiện và kinh doanh hoa, cây cảnh của Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Đại Lộc HG	TMD	Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Đại Lộc HG	0,83		0,83	SKC (0,79); DTL (0,04)	P Ngọc Châu	Tờ 19_CT95 (thửa 111,112,113)	Thông báo số 131/TB-VP ngày 12/10/2018 của Văn phòng UBND tỉnh Hải Dương về Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Dương Thái	Chuyển tiếp
	Kho xăng dầu K132 tại phường Tứ Minh	TMD +DKV	Giao cho UBND TP thực hiện theo quy hoạch được phê duyệt	7,40		7,40	TMD	P Tứ Minh	Tờ 18 (thửa 26,137)	Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019; Văn bản số 2077/UBND-VP ngày 26/6/2019 của Văn phòng UBND tỉnh về việc sử dụng đất Kho xăng dầu K132 tại phường Tứ Minh (Hết thời hạn thuê đất)	Chuyển tiếp
	Bổ sung diện tích dự án cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ ăn, nghỉ trồng và kinh doanh hoa cây cảnh Việt Thanh tại phường Cẩm Thượng (đường vào dự án)	TMD	Công ty TNHH XD Việt Thanh	0,06		0,06	LUC	P Cẩm Thượng	Tờ 8 thửa 19	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 25/7/2020; Quyết định 554/QĐ-UBND về việc thu hồi đất cho Công ty TNHH XD Việt Thanh thuê đất; Thông báo số 1691/SKHĐT-ĐT, TD&GSDT ngày 27/8/2019 về ý kiến liên ngành đối với HS đề xuất điều chỉnh cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ ăn, nghỉ trồng và kinh doanh hoa cây cảnh Việt Thanh tại phường Cẩm Thượng	Chuyển tiếp
	Bãi tập kết, kinh doanh vật liệu xây dựng và trung chuyển hàng hóa của doanh nghiệp tư nhân Hoàng Thành	TMD	doanh nghiệp tư nhân Hoàng Thành	3,23		3,23	SKX (1,87); MNC (0,56); DGT (0,05); NTS (0,75)	P Cẩm Thượng; P Bình Hàn	Tờ 7 (thửa 25,26,27,28,3,29,302,3,77) P Cẩm Thượng; Tờ 1 (thửa 25,26,27,28,29,30,...) P Bình Hàn	Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 23/4/2019; Quyết định số 826/QĐ-UBND ngày 08/3/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; VB số 274/VP-TH ngày 24/5/2019 của Văn phòng UBND tỉnh về tham mưu đề xuất mở rộng dự án	Chuyển tiếp
	Dự án Cơ sở trồng, kinh doanh cây và dịch vụ sinh thái (DN tư nhân Sơn Đăng)	TMD	DN tư nhân Sơn Đăng	3,40		3,40	NTS	P Cẩm Thượng	Tờ 7 (thửa 22,27,193,194,...)	VB số 619/SKHĐT-ĐT, TD&GSDT ngày 04/4/2019 của Sở KHĐT đề xuất thực hiện dự án đầu tư; VB số 401/UBND-TCKH ngày 23/4/2019 của UBND thành phố về ý kiến đề xuất thực hiện dự án	Chuyển tiếp
	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác của Công ty TNHH vận tải và thương mại Tuấn Minh	TMD	Công ty TNHH vận tải và thương mại Tuấn Minh	0,96		0,96	LUC (0,87); DGT (0,06); DTL (0,03)	P Ái Quốc	Tờ 15 (thửa 605,308,690,...)	Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định chủ trương đầu tư số 1118/QĐ-UBND ngày 05/4/2019 của UBND tỉnh Hải Dương về Dự án cửa hàng bán lẻ xăng dầu, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác của Công ty TNHH vận tải và thương mại Tuấn Minh	Chuyển tiếp
	Dự án đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu và dịch vụ thương mại Linh Ngọc	TMD	Công ty CP thương mại Linh Ngọc	1,57		1,57	LUC (1,35); DGT (0,2); DTL (0,02)	P Việt Hòa	Tờ 42 (thửa 697,698,733-744,756-758,759-761,792-803,835-837,838-842,865-873,906,907-913,843-848)	Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 25/7/2020; Công văn số 253/VP-TH ngày 17/5/2019 của UBND tỉnh về việc tham mưu đề xuất thực hiện dự án	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tổng diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản có liên quan	Ghi chú
	Dự án Trung tâm Tổ chức sự kiện và dịch vụ thương mại An Thịnh Phát HD	TMD	Công ty Cổ phần An Thịnh Phát HD	3,16		3,16	LUC (2,77), DGT (0,19), DTL (0,2)	P Việt Hòa	Tờ 42 (thửa 699-707;666-670;691-696;761-767;708-713;728-732;8785-790;742-845;768-773;914;915; 859-862;783;784;846;84785 7;858;916-924;940-942)	Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 25/7/2020; Công văn số 253/VP-TH ngày 17/5/2019 của UBND tỉnh về việc tham mưu đề xuất thực hiện dự án	Chuyển tiếp
	Dự án bến thủy nội địa và bãi kinh doanh vật liệu xây dựng Long Thành	TMD	Công ty TNHH HT Long Thành	2,82		2,82	HNK	P Ái Quốc	Bãi ngoài bờ hữu sông Lai Vu	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư số 3808/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND tỉnh	Đăng ký mới
	Dự án cửa hàng kinh doanh xăng dầu và DVTM Linh Ngọc của Công ty CP thương mại Linh Ngọc	TMD	Công ty CP thương mại Linh Ngọc	0,63		0,63	LUC (0,61); DGT (0,01); DTL (0,01)	Xã Quyết Thắng	Tờ 02 (thửa 1034, 1049, 1050, 1051, 1052, 1125-1129, 1140-1142, 1143, 1140, 1217, 1219, 1218, 1220,...)	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; Thông báo số 139/TB-VP ngày 12/9/2019 của Văn phòng UBND tỉnh về kết luận của chủ tịch UBND tỉnh về chủ trương đầu tư một số dự án trên trục đường 390 huyện Thanh Hà; Quyết định chủ trương đầu tư số 23/QĐ-UBND ngày 03/01/2020 của UBND tỉnh	Chuyển tiếp
2	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC		19,57		19,57					
	Đất SXKD Đại Thắng	SKC	Đại Thắng	0,26		0,26	NTS	P. Nhị Châu	Tờ 12 (thửa 68)	Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 22/1/2013 của UBND tỉnh Hải Dương; đã có QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Chuyển tiếp
	Mở rộng công ra vào của công ty TNHH Ford Việt Nam	SKC	Công ty TNHH Ford Việt Nam	0,10		0,10	DGT (0,07) ; DTL (0,03)	P. Việt Hòa	Tờ 14	Công văn số 1402/UBND-QLĐT ngày 24/10/2019 chấp thuận thiết kế và phương án thi công mở công phụ ra vào của nhà máy ô tô Ford Việt Nam trên đoạn đường Tân dân	Chuyển tiếp (Đang làm thủ tục thuê đất)
	Nhà máy sản xuất kính an toàn số 1 Hải Dương	SKC	Cty TNHH kính an toàn số 1 HD	4,77		4,77	LUC (4,47); DTL (0,1); DGT (0,2)	xã Tiên Tiến	Tờ 14 (thửa 809-892-1182-1189....)	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Chuyển tiếp
	Cơ sở sản xuất bột đậu xanh và phân phối hàng thương mại của Công ty TNHH Công Hè	SKC	Công ty TNHH Công Hè	1,95		1,95	LUC (1,9); DGT (0,03); DTL (0,02)	xã Tiên Tiến	Tờ 14 (thửa 669-671,722-725-1112,1113-1273-1365....)	Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018; Quyết định chủ trương đầu tư số 827/QĐ-UBND ngày 08/3/2019 của UBND tỉnh	Chuyển tiếp
	Cơ sở chế biến hàng nông sản Hanh Khánh của Công ty TNHH xuất nhập khẩu nông sản Hanh Khánh	SKC	Công ty TNHH XNK nông sản Hanh Khánh	1,28		1,28	LUC (1,25); DGT (0,02); DTL (0,01)	xã Tiên Tiến	Tờ 14 (thửa 726,727,731-733,798-802....,1087,1088)	Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018; Quyết định chủ trương đầu tư số 4086/QĐ-UBND ngày 05/11/2018 của UBND tỉnh	Chuyển tiếp
	Cơ sở kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp Ngọc Khánh của Công ty TNHH TM dịch vụ vận tải Ngọc Khánh	SKC	Công ty TNHH TM dịch vụ vận tải Ngọc Khánh	2,89		2,89	LUC (2,69); DGT (0,15); DTL (0,05)	Xã Quyết Thắng	Tờ 01 (thửa 128,129...238,239); Tờ 3 (thửa 1-24...145,146...)	Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 23/4/2019; Quyết định chủ trương đầu tư số 1847/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh Hải Dương	Chuyển tiếp
	Dự án xây dựng bãi đỗ xe và dịch vụ kho bãi, vận tải hàng hóa Bách Việt của Công ty cổ phần Bách Việt Logistics	SKC	Công ty cổ phần Bách Việt Logistics	2,52		2,52	LUC	Xã Quyết Thắng	Tờ 01 (thửa 48...77,78....,203)	Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 23/4/2019; Quyết định chủ trương đầu tư số 1459/QĐ-UBND ngày 25/4/2019 của UBND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 2592/QĐ-UBND ngày 17/7/2019 của UBND huyện Thanh Hà về việc phê duyệt QHCT xây dựng	Chuyển tiếp
	Điều chỉnh dự án Bãi chứa, kinh doanh vật liệu xây dựng của công ty TNHH DNT	SKC+TMD	công ty TNHH DNT	0,90		0,90	DTL	Xã Ngọc Sơn	Tờ 3 (thửa 2, 68,,)	Thông báo số 2018/SKHDT-DT, TD và GSĐT ngày 10/10/2019 của Sở KHĐT Về việc chỉnh sửa dự án theo ý kiến của các Sở, ngành, địa phương	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tổng diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản có liên quan	Ghi chú
	Trạm xử lý nước thải phía Tây thành phố Hải Dương	SKC	UBND thành phố	4,90		4,90	DRA (1,92); NTS (1,5); MNC (1,48)	P Tứ Minh		Quyết định số 2453/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 của UBND thành phố về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng Trạm xử lý nước thải phía Tây thành phố Hải Dương	Đăng ký mới
B	Công trình, dự án cấp thành phố			123,10	1,13	121,97					
I	Công trình dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất			105,98	1,01	104,97					
1	Đất phát triển hạ tầng	DHT		76,91		76,91					
1.1	Đất giao thông	DGT		71,09		71,09					
	Dự án ngõ 50 Bùi Thị Xuân kéo dài ra đường kè Sông Sắt	DGT	UBND thành phố	0,01		0,01	ODT	P. Lê Thanh Nghị	Thửa 164 (tờ 10)	Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018; NQ số 06/NQ-QĐ-UBND ngày 08/10/2018 của UBND phường về việc thực hiện dự án ngõ 50 phố Bùi Thị Xuân	Chuyển tiếp
	Ngõ 79 phố Thống Nhất, phường Lê Thanh Nghị	DGT	UBND phường	0,03		0,03	ODT (0,01 ha); TSC (0,02 ha)	P. Lê Thanh Nghị	Tờ 15	Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018; Báo cáo kinh tế kỹ thuật đã được UBND thành phố phê duyệt và bố trí vốn, Thông báo thu hồi đất số 701/TB-UBND ngày 02/11/2016	Đăng ký mới
	Mở lối đi sang nhà văn hóa khu 9	DGT	UBND phường	0,02		0,02	ODT	P Trần Phú	Thửa 90, tờ 6	Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018; Quyết định số 459/QĐ-UBND ngày 26/2/2010 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu N1 và N7	Chuyển tiếp
	Nâng cấp, mở rộng đường liên khu từ Tiên Hải đi Văn Xá	DGT	UBND thành phố	1,00		1,00	LUC (0,43); CLN (0,03); DGT (0,45); DTL (0,02); NTS (0,05); SKX (0,01); ODT (0,01)	P Ái Quốc	tờ 12 (thửa 1034,993,1032,1031,1030,...,1018,1033); tờ 74 (thửa 13,2,3,5,8); tờ 75 (thửa 2,4,5)	Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 30/01/2018 của UBND TP về việc phê duyệt nội dung báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình	Chuyển tiếp
	Xây dựng, cải tạo một số tuyến đường thuộc TP Hải Dương	DGT	UBND thành phố	0,60		0,60	ODT (0,3); LUC (0,3)	P Ái Quốc	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018; Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 26/7/2018; Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 26/7/2018 của HĐND thành phố về kế hoạch đầu tư công năm 2019; Quyết định phê duyệt chủ trương số 1868/QĐ-UBND ngày 05/7/2018; Quyết định số 2895/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 về việc phê duyệt nội dung Báo cáo KTKT	Chuyển tiếp
		DGT	UBND thành phố	0,10		0,10	ODT	P Tân Hưng	Công trình theo tuyến		Chuyển tiếp
	Đường trục trung tâm xã Thượng Đạt (đoạn từ đường dẫn Cầu Hàn đến cầu Đình Đông)	DGT	UBND thành phố	0,30		0,30	LUC (0,1); DBV (0,01); DGD (0,02); TSC (0,01); NTS (0,02) ONT (0,06); DTL (0,05) DSH (0,01) DYT (0,01) DNL (0,01)	Xã An Thượng	Tờ 2,10,11,12,15,16	Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018; Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 26/7/2018; Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 26/7/2018 của HĐND thành phố về kế hoạch đầu tư công năm 2019; Quyết định số 2295/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 về việc phê duyệt nội dung Báo cáo KTKT; Quyết định số 2296/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND TP về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình	Chuyển tiếp (đang GPMB)
	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Nam đường Việt Hòa, phường Việt Hòa	DGT	UBND thành phố	5,83		5,83	LUC (4,28); NTS (1,08); DGT (0,25); DTL (0,14); DGD (0,08)	P Việt Hòa	Tờ 19,47,54	Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018; NQ số 03/NQ-HĐND ngày 26/7/2018; Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết số 1756/QĐ-UBND ngày 14/6/2018; Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư số 791/QĐ-UBND ngày 28/3/2018; Quyết định phê duyệt nghiên cứu khả thi số 2780/QĐ-UBND ngày 12/10/2018	Chuyển tiếp (đang GPMB)

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tổng diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản có liên quan	Ghi chú
	Đầu tư xây dựng đường Tân Dân đoạn từ đường sắt đến đường Phố Văn, phường Việt Hòa	DGT	UBND thành phố	2,06		2,06	HNK (0,15); CLN (0,30); NTS (1,45); DTL (0,06); ODT (0,1)	P Việt Hòa	Tờ 9 (thửa 53,69,70,119,120); tờ 13 (thửa 1,3,4,5,6,7,8,9,.....,38)	Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Quyết định số 1572/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của UBND TP về việc phê duyệt BC nghiên cứu khả thi; Thông báo thu hồi đất số 728/TB-UBND ngày 14/9/2018	Chuyển tiếp
	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã thuộc phường Ái Quốc (đoạn từ thôn Ngọc Tri, P.Ái Quốc đi Cộng Hòa, huyện Nam Sách)	DGT	UBND thành phố	0,30		0,30	LUC	P Ái Quốc	Tờ 2,18,19,20,21	Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 14/2018/NQ-HĐND ngày 29/10/2018; Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 26/7/2018; Nghị Quyết số 04/NQ-HĐND ngày 26/7/2018 của HĐND thành phố về kế hoạch đầu tư công năm 2019; Quyết định số 2895/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 về việc phê duyệt nội dung Báo cáo KTKT	Chuyển tiếp
	Xây dựng đường trục kết nối xã Thượng Đạt và An Châu (đoạn từ TL390 đến đường dẫn cầu Hân) - GD1	DGT	UBND thành phố	0,10		0,10	LUC (0,02); ONT (0,02); HNK (0,05); MNC (0,01);	Xã An Thượng	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018; Văn bản số 45/VP-HĐND ngày 12/10/2018 của HĐND thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công 2019; Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư số 3102/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 của UBND thành phố,	Chuyển tiếp (đang GPMB)
	Mở rộng đường phố Thượng Đạt	DGT	BQL dự án đầu tư thành phố	0,43		0,43	HNK (0,14); ODT (0,07); CLN (0,05); DTL (0,05); DGT (0,12)	P. Tứ Minh	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 23/4/2019; Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; Quyết định số 2932/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của UBND TPHD về việc nâng cấp mở rộng phố Thượng Đạt	Chuyển tiếp (đang thực hiện)
	Dự án mở rộng đường Tuệ Tĩnh	DGT	UBND thành phố	1,20		1,20	ODT (0,5); MNC (0,02); CQP (0,27); DGT (0,41)	P Bình Hàn; P Nguyễn Trãi	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Thông báo kết luận của Ban thường vụ Tỉnh ủy số 2025-TB/TU ngày 12/10/2020 về việc triển khai các công trình trọng điểm và một số nhiệm vụ trọng tâm trên địa bàn thành phố Hải Dương	Đăng ký mới
	Khu đô thị mới Tuệ Tĩnh (Tuyến đường kết nối KDTM Tuệ Tĩnh với đường Ngô Quyền 2203,7 m2; Tuyến đường kết nối KDTM Tuệ Tĩnh với đường Mai Hắc Đế 1146,8 m2; Tuyến đường cải tạo công hóa kênh T2, khớp nối giao thông KDTM Tuệ Tĩnh 2350,60 m2; Một phần tuyến đường quy hoạch giáp tường rào Nhà máy Đá Mài 646,9 m2)	DGT	Công ty cổ phần đầu tư Thành Đô	0,69		0,69	ODT (0,1), DGT (0,29), DTL (0,1), TSC (0,1), SKC (0,1)	P. Bình Hàn	Tờ 23, 30, 35, 36 Phường Bình Hàn; Tờ 02, 03,08, 24 Phường Cẩm Thượng	Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 25/7/2020; Quyết định số 2403/QĐ-UBND ngày 16/7/2018 của UBND tỉnh về việc chấp thuận điều chỉnh dự án khu đô thị mới Tuệ Tĩnh, TPHD (điều chỉnh lần 3)	Chuyển tiếp
	Mở rộng nâng cấp đường Thạch Khôi- Liên Hồng	DGT	UBND thành phố	0,52		0,52	LUC (0,13); CLN (0,1); NTS (0,05); DGT (0,2); DTL (0,04)	xã Liên Hồng	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019; QĐ số 3412/QĐ-UBND ngày 04/10/2018 của UBND huyện về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường huyện Thạch Khôi- Liên Hồng đoạn từ trường THCS Liên Hồng đến ngã tư Đồng Lại (km 1+022,20-Km1+948,95); Quyết định số 5921/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật điều chỉnh bổ sung	Chuyển tiếp
	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã	DGT	UBND xã	0,50		0,50	LUC	xã Liên Hồng	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; Xây dựng nông thôn mới nâng cao	Chuyển tiếp
	Mở rộng nút giao thông Bạch Đằng - Trần Phú	DGT	UBND thành phố	0,03		0,03	ODT	P Trần Phú	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Phù hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Đăng ký mới
	Mở rộng đường trong khu dân cư	DGT	UBND phường	1,50		1,50	CLN	P Nam Đồng	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Phù hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Đăng ký mới

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tổng diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản có liên quan	Ghi chú
	Cải tạo ngõ 64 đường Hồng Quang	DGT	UBND thành phố	0,03		0,03	ODT	P Quang Trung	Tờ 12 (thửa 7,8,9,133,...)	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 của UBND thành phố về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng; Thông báo thu hồi đất số 508/TB-UBND ngày 04/7/2018 của UBND thành phố	Đăng ký mới
	Xây dựng đường gom QL5 bên trái tuyến Km 46+743,7 đến Km 47+156 phường Tứ Minh	DGT	UBND thành phố	1,35		1,35	LUC (0,19 ha); NTS (0,05 ha); MNC (0,97 ha); CLN (0,04 ha); DGT (0,08 ha); DTL (0,02 ha)	P. Tứ Minh	Tờ 2, 3	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Quyết định điều chỉnh dự án Khu dân cư mới phường Tứ Minh, TP Hải Dương và thôn Trụ, TT Lai Cách, huyện Cẩm Giàng	Đăng ký mới
	Đường trục chính Đông - Tây (Đoạn đường 52m đến đường tỉnh lộ 394)	DGT	UBND thành phố	16,00		16,00	NTS (3,5), DGT (6,0), DTL (1,0), SKC (3,0), ODT (2,5)	P Tứ Minh	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Phù hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Đăng ký mới
	Dự án đường Vành Đai 1 TP Hải Dương	DGT	UBND thành phố	27,38		27,38	LUC (9,18); CLN (6,64); SKC (0,82); ONT (1,24); SON (1,16); NTS (3,02); NTD (0,11); SKN (1,4); HNK (1,62); DTL (1,06); DGT (1,03); ODT (0,1)	An Thượng, Nam Đồng, Thạch Khôi, Tân Hưng, Ngọc Sơn, Quyết Thắng, Gia Xuyên, Liên Hồng, Tiền Tiến	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Thông báo kết luận của Ban thường vụ Tỉnh ủy số 2025-TB/TU ngày 12/10/2020 về việc triển khai các công trình trọng điểm và một số nhiệm vụ trọng tâm trên địa bàn thành phố Hải Dương	Đăng ký mới
	Dự án mở rộng đường Vũ Công Đán (trong đó ODT 2,69 ha; DGT 8,17 ha)	DGT	UBND thành phố	10,86		10,86	ODT (4,93); MNC (0,73); DGT (5,2)	P Tứ Minh	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Thông báo kết luận của Ban thường vụ Tỉnh ủy số 2025-TB/TU ngày 12/10/2020 về việc triển khai các công trình trọng điểm và một số nhiệm vụ trọng tâm trên địa bàn thành phố Hải Dương	Đăng ký mới
	Cải tạo vỉa hè, cây xanh phía Tây đường Ngô Quyền (đối diện Liên đoàn Lao động tỉnh)	DGT	UBND thành phố	0,06		0,06	ODT	P. Tân Bình	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Quyết định số 3241/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 của UBND thành phố về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Cải tạo vỉa hè, cây xanh phía Tây đường Ngô Quyền	Đăng ký mới
	Cải tạo, nâng cấp đường: Tổng Duy Tân (từ Trần Hưng Đạo đến Nguyễn Hữu Cầu; Nguyễn Đình Chiểu (từ Tổng Duy Tân đến Trần Thánh Tông)	DGT	UBND phường Ngọc Châu	0,10		0,10	ODT (0,07), DGT (0,03)	P. Ngọc Châu	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Văn bản số 2662/UBND-TCKH ngày 27/11/2020 của UBND thành phố về việc giao triển khai, thực hiện	Đăng ký mới
	Cải tạo, nâng cấp đường: trục đường kết nối phố Bình Lộc với phố Đám Lộc; phố Bình Lộc (đoạn từ ngã ba giao từ đường Đám Lộc- Khu đô thị Đình Long)	DGT	UBND phường Tân Bình	0,09		0,09	ODT	P. Tân Bình	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; các Quyết định của UBND thành phố số: 2997/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 về phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp trục đường kết nối phố Bình Lộc với phố Đám Lộc; 2998/QĐ-UBND về phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp phố Bình Lộc (đoạn từ ngã ba giao từ đường Đám Lộc - Khu đô thị Đình Long)	Đăng ký mới
1.2	Đất cơ sở văn hóa	DVH		0,90		0,90					
	Xây dựng mở rộng khuôn viên nhà văn hóa khu 12	DVH	UBND phường	0,02		0,02	ODT	P Quang Trung	Tờ 5 (thửa 543); tờ 13 (thửa 7,8)	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 của UBND thành phố về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng	Chuyển tiếp
	Nhà văn hóa khu 10 phường Tân Bình	DVH	UBND phường	0,045		0,045	CLN	P Tân Bình	Tờ 97 (thửa 21)	Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 12/1/2018 của UBND TP về việc phê duyệt nhiệm vụ QHCT	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tổng diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản có liên quan	Ghi chú
	Nhà văn hóa khu dân cư số 2	DVH	UBND phường	0,04		0,04	CLN	P Phạm Ngũ Lão	Tờ 10 thửa 86	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; Công văn số 1205/UBND-TNMT ngày 20/12/2017 của UBND TP về việc bố trí xây dựng nhà văn hóa khu dân cư số 2 P Phạm Ngũ Lão	Chuyển tiếp
	Nhà văn hóa Khu 9	DVH	UBND phường	0,03		0,03	LUC	P Thanh Bình	Tờ 31 thửa 3	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019	Chuyển tiếp
	Xây dựng nhà văn hóa khu 3	DVH	UBND phường	0,01		0,01	TSC	P Trần Phú	Tờ 7 (thửa 201)	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019	Chuyển tiếp
	Nhà văn hóa thôn Du Tái	DVH	UBND xã	0,10		0,10	LUC	xã Tiên Tiến	tờ BĐ 14	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Phù hợp nông thôn mới nâng cao của xã	Đăng ký mới
	Nhà văn hóa khu dân cư Xuân Dương	DVH	UBND phường	0,65		0,65	NTS (0,58); CLN (0,04); DGT (0,03)	P. Tứ Minh	Tờ 50 (thửa 15,16,21,24,25); Tờ 92 (thửa 9,11)	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Quyết định số 844/QĐ-UBND ngày 16/4/2013 của UBND thành phố về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng phường Tứ Minh	Đăng ký mới
1.3	Đất cơ sở y tế	DYT		0,27		0,27					
	Trạm y tế phường Ngọc Châu	DYT	Ban QLDA đầu tư XDCB thành phố	0,20		0,20	LUC	P. Ngọc Châu	Tờ 76 (thửa 6, 13-15, 17)	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Quyết định số 1417/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của UBND TP về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500	Chuyển tiếp
	Xây dựng nhà văn hóa khu 10 (0,03 ha) và mở rộng trạm y tế phường (0,02 ha)	DYT	UBND phường	0,048		0,048	DVH	P. Trần Hưng Đạo	Tờ 2, 10	Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018; Thông báo số 29/TB-VP ngày 06/4/2018 của Văn phòng UBND tỉnh Hải Dương thông báo kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh về xử lý nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước; Đã đo vẽ trích lục	Chuyển tiếp
	Trạm y tế phường Trần Phú	DYT	UBND phường	0,02		0,02	TSC	P Trần Phú	Tờ 7 thửa 201	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Quyết định chủ trương đầu tư số 1531A/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 của UBND TP Hải Dương;	Đăng ký mới
1.4	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD		2,47		2,47					
	Trường mầm non Thanh Bình	DGD	Ban QLDA đầu tư XDCB thành phố	0,51		0,51	LUC (0,16 ha); NTS (0,22 ha); DGT (0,02 ha); DTL (0,11 ha)	P Thanh Bình	Tờ 52 (thửa 39, 48)	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Báo cáo kinh tế kỹ thuật đã được UBND thành phố phê duyệt, Đã giải phóng xong mặt bằng	Chuyển tiếp
	Mở rộng trường mầm non Quang Trung	DGD	UBND phường	0,04		0,04	DGT (0,01); ODT (0,03)	P Quang Trung	Tờ 15 (thửa 182,183...)	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Quyết định chủ trương đầu tư số 1063a/QĐ-UBND ngày 03/7/2017 của UBND TP; Quyết định số 2893/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 về việc phê duyệt nội dung báo cáo kinh tế kỹ thuật	Chuyển tiếp
	Xây dựng nhà đa năng trường THCS Ngọc Châu	DGD	Ban QLDA đầu tư XDCB thành phố	0,24		0,24	LUC (0,20); DTL (0,03); DGT (0,01)	P.Ngoc Châu	Tờ 76; thửa 136, 129	Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018; Quyết định số 2927/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 về việc phê duyệt nội dung Báo cáo KTKT	Chuyển tiếp
	Trường THCS Thanh Bình	DGD	UBND thành phố	1,08		1,08	LUC (0,46); ODT (0,11); CLN (0,11); DTL (0,39); DGT (0,01)	P Thanh Bình	Tờ 30 (thửa 29,32,100,101,102,103, 71,70,69,80); tờ 31 (thửa 3,4,5,6,7,8,9)	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Thông báo kết luận số 19/TB-VP ngày 27/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Mạnh Hiền tại cuộc họp lãnh đạo UBND tỉnh ngày 09/02/2015	Đăng ký mới

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tổng diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản có liên quan	Ghi chú
	Mở rộng trường THCS xã Liên Hồng	DGD	UBND xã	0,25		0,25	LUC	xã Liên Hồng	Tờ 8 (thửa 62,...,69)	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Quyết định số 2180/QĐ-UBND ngày 27/6/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất nông nghiệp làm cơ sở để tính tiền bồi thường GPMB khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án	Chuyển tiếp
	Mở rộng trường THCS xã Gia Xuyên	DGD	UBND xã	0,35		0,35	NTS	xã Gia Xuyên	Tờ 3	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Quyết định số 3503/QĐ-UBND ngày 02/11/2020 của UBND thành phố về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng trường THCS Gia Xuyên, xã Gia Xuyên	Đăng ký mới
1.5	Đất cơ sở thể dục thể thao	DTT		2,06		2,06					
	Sân vận động xã Liên Hồng	DTT	UBND xã	1,52		1,52	LUC (1,37); DGT (0,1); DTL (0,05)	xã Liên Hồng	Tờ 8 thửa 249, 250, 269, 270, 271, 272...377, 378, 379, 402	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; Quyết định số 349/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của UBND huyện về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng sân vận động xã Liên Hồng, huyện Gia Lộc	Chuyển tiếp
	Sân thể thao phường Tứ Minh	DTT	UBND phường	0,54		0,54	LUC (0,40 ha); DGT (0,08 ha); DTL (0,06 ha)	P Tứ Minh	Tờ 27+28	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; QĐ số 2671/QĐ-UBND ngày 14/11/2012 của UBND thành phố Hải Dương về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi, GPMB	Đăng ký mới (đã thu hồi, chưa CMD)
1.6	Đất chợ	DCH		0,13		0,13					
	Mở rộng chợ Con (Chợ Máy II)	DCH	UBND thành phố	0,13		0,13	ODT	P Quang Trung	Tờ 20 (thửa 65)	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Quyết định số 3592/QĐ-UBND ngày 02/12/2016 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản nhà và đất thuộc sở hữu Nhà nước Khu tập thể liên cơ, phường Quang Trung	Chuyển tiếp
2	Đất ở tại nông thôn	ONT		27,65	1,01	26,64					
	Điểm dân cư mới thôn Tiễn, xã An Thượng (ONT: 1,28 ha; DVH: 0,06 ha; DKV 0,12 ha; DGT 1,73 ha; DRA 0,01 ha)	ONT	UBND xã	3,20		3,20	ONT (0,05); NTS (2,13); CLN (0,72); DGT (0,3)	Xã An Thượng	Tờ 6 (thửa 73,75...)	Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; Quyết định số 2343/QĐ-UBND ngày 15/10/2013 của UBND TP về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500; Chương trình mục tiêu quốc gia XDNTM	Chuyển tiếp
	Xây dựng khu dân cư Chùa Thượng, xã An Thượng (trong đó ONT 1,7 ha; DKV 0,5 ha; DGT 2,65 ha)	ONT	Ban QLDA đẩy tư XDCB thành phố	4,85		4,85	LUC (3,45); NTS (0,4); DGT (0,6); DTL (0,3); MNC (0,05); NTD (0,05)	Xã An Thượng	Tờ 04 (thửa 226,228,231,232,...)	Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019; Công văn số 512/UBND-KHTC ngày 20/5/2019 của UBND TP về việc lập đề xuất chủ trương và giao nhiệm vụ chủ đầu tư	Chuyển tiếp
	Điểm dân cư thôn Đông Giàng, xã An Thượng (trong đó ONT 1,45 ha; DKV 0,5 ha; DGT 2,2 ha)	ONT	Ban QLDA đầu tư XDCB thành phố	4,15		4,15	LUC (3,5); DGT (0,5); DTL (0,15)	Xã An Thượng	Tờ 02 (thửa 596-1105)	Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019; Công văn số 512/UBND-KHTC ngày 20/5/2019 của UBND TP về việc lập đề xuất chủ trương và giao nhiệm vụ chủ đầu tư	Chuyển tiếp
	Đầu giá trạm bơm cũ thôn Trà Tân (trước là thôn Tân Lập)	ONT	UBND xã	0,0091		0,0091	DTL	Xã An Thượng	Tờ 17 (thửa 01)	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; Năm trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Chuyển tiếp
	Dân cư nhỏ lẻ, xen kẽ	ONT	UBND xã	0,3	0,02	0,28	CLN	Xã Quyết Thắng		Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018; Kế hoạch số 405/KH ngày 21/10/2015 về việc Xứ lý đất xen kẽ, dôi dư trong khu dân cư trên địa bàn huyện Thanh Hà	Đã thực hiện 0,02 ha; còn lại chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tổng diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản có liên quan	Ghi chú
	Xử lý đất xen kẹt	ONT	UBND xã	0,2		0,2	CLN	xã Tiên Tiến		Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; Tạo nguồn kinh phí thực hiện nông thôn mới nâng cao	Chuyển tiếp
	Điểm dân cư mới thôn Tăng Hạ	ONT	UBND xã	2,22	0,99	1,23	LUC	xã Gia Xuyên	Tờ 3 (thửa 756, 798, ... 1436, 1437, 11484, 1485) Tờ 4,7,9	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Quyết định 1758/QĐ-UBND ngày 18/5/2018 về việc phê duyệt QH chi tiết KDC số 1 xã Gia Xuyên	Chuyển tiếp
	Xen kẹt thôn Tăng Hạ 3 thửa	ONT	UBND xã	0,06		0,06	DTL (0,04); DGD (0,02)	xã Gia Xuyên	Tờ 22 (thửa 292, 291,311)	Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Xử lý đất xen kẹt trong khu dân cư	Chuyển tiếp
	Điểm dân cư số 3 Thanh Xá (Nhà Việt) (trong đó ONT 0,11 ha)	ONT	UBND xã	1,16		1,16	LUC (0,44), CLN (0,2), NTS (0,3), DGT (0,2), DTL (0,02)	xã Liên Hồng	Tờ 5 thửa 760, 851, 865 ... 735, 896, 826 Tờ 19 thửa 5, 9, 10	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; QĐ số 1525/QĐ-UBND ngày 16/5/2019 của UBND huyện về phê duyệt QHCT	Chuyển tiếp
	Khu dân cư mới thôn Thanh Xá (Điểm số 01, 02)	ONT	UBND thành phố	5,29		5,29	LUC (1,32); ONT (0,1), NTS (3,07), DGT (0,2), DTL (0,1), CLN (0,5)	xã Liên Hồng	Tờ 04,05,08,19,21 (thửa 31,32,219,220,837,838, 9,10,...)	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 25/7/2020; Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 16/5/2019 của UBND huyện Gia Lộc về việc phê duyệt QH chi tiết xây dựng khu dân cư mới Thôn Thanh Xá, Xã Liên Hồng, H Gia Lộc (nay là TP HD) (Điểm số 1 và điểm số 2)	Chuyển tiếp
	Khu đô thị mới xứ Cầu Đông thôn Thanh Xá (Nhà Việt) (trong đó ONT 0,07 ha)	ONT	UBND xã	3,60		3,60	LUC (3,50), NTS (0,03), DGT (0,05), DTL (0,02)	xã Liên Hồng	Tờ 4 thửa 1060, 1061, 1062, 1063, 1024, 1105-1107, Tờ 8 thửa 31, 32 ... 220 Tờ 21 thửa 39, 52, 68	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; QĐ số 1525/QĐ-UBND ngày 16/5/2019 của UBND huyện về phê duyệt QHCT	Chuyển tiếp
	Xây dựng điểm dân cư mới thôn Mỹ Xá	ONT	UBND thành phố	0,85		0,85	LUC (0,82), DGT (0,02), DTL (0,01)	xã Ngọc Sơn	Tờ 02 (thửa 650,651,739,...)	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 25/7/2020; Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 16/01/2018 của UBND huyện Tứ Kỳ về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới Mỹ Xá, Xã Ngọc Sơn, Huyện Tứ Kỳ	Chuyển tiếp
	Điểm dân cư mới Mã Tác, thôn Phạm Xá, xã Ngọc Sơn (trong đó ONT 0,76 ha; DKV 0,21 ha; DGT 0,79 ha)	ONT	UBND xã	1,76		1,76	LUC (1,45); CLN (0,05); DGT (0,26)	xã Ngọc Sơn	Tờ BĐ số 6, thửa 688-691,733-743, 779-794, 822,...,884-886...)	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 16/01/2018 của UBND huyện về việc phê duyệt QHCT xây dựng điểm dân cư mới Phạm Xá, xã Ngọc Sơn	Chuyển tiếp
3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước	TSC		1,30		1,30					
	Mở rộng UBND phường Việt Hòa	TSC	UBND phường	0,70		0,70	LUC	P Việt Hòa	Tờ 42 (thửa 317,318...)	Nghị quyết số 47/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2017; Chương trình mục tiêu chính trang, hoàn thiện hệ thống hạ tầng đô thị	Chuyển tiếp
	Mở rộng trụ sở UBND xã Liên Hồng	TSC	UBND xã	0,60		0,60	LUC	xã Liên Hồng	Tờ 8 thửa 27 28 29 70-75 103-105 136-142 168 169	Nghị quyết số 14/2018/NQ-HĐND ngày 29/10/2018; QĐ số 2689/QĐ-UBND ngày 27/8/2018 của UBND huyện về việc phê duyệt điều chỉnh QHCT mở rộng trụ sở làm việc xã Liên Hồng	Chuyển tiếp
4	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS		0,0214		0,0214					
	Xây dựng Văn phòng đại diện và trung tâm truyền thông khu vực Đông bắc bộ của báo Thương hiệu và Công luận	DTS	Trung tâm truyền thông khu vực Đông Bắc Bộ	0,0214		0,0214	TMD	P Tân Bình	Tờ 88 (thửa 167)	Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019; Thông báo số 68/TB-VP ngày 17/5/2019 của Văn phòng UBND tỉnh về kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh về đề xuất địa điểm xin thuê đất xây dựng Văn phòng đại diện và trung tâm truyền thông khu vực Đông Bắc bộ của báo Thương hiệu và Công Luận	Chuyển tiếp
6	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV		0,10		0,10					

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tổng diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản có liên quan	Ghi chú
	Mở rộng vườn hoa Hoàng Hoa Thám	DKV	UBND thành phố	0,10		0,10	DVH	P Nguyễn Trãi	Tờ 08 (thửa 20)	Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019; Thông báo số 492/TB-UBND ngày 02/7/2019 của UBND TP về việc nhiệm vụ tổ chức thực hiện một số công trình chỉnh trang đô thị trên địa bàn thành phố	Chuyển tiếp
II	Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất			17,12	0,12	17,00					
1	Đất thương mại dịch vụ	TMD		3,13	0,12	3,01					
	Mở rộng dự án Trung tâm tổ chức sự kiện và kinh doanh dịch vụ ăn uống của hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn Huỳnh	TMD	Hộ Nguyễn Văn Huỳnh	0,14	0,12	0,02	DTL (0,007); CLN (0,013)	P Tân Bình	Tờ 25 (thửa 12), Tờ 26 (thửa 115,68)	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; Quyết định số 2701/QĐ-UBND ngày 01/8/2018 của UBND thành phố Hải Dương về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	Chuyển tiếp
	Dự án bến bãi kinh doanh vật liệu xây dựng của hộ kinh doanh Nguyễn Bá Vinh	TMD	Hộ kinh doanh Nguyễn Bá Vinh	0,49		0,49	SKX	P Việt Hòa	Tờ 09 (thửa 191)	Quyết định số 1531/QĐ-UBND ngày 22/4/2019 của UBND thành phố Hải Dương về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Chuyển tiếp (đang GPMB)
	Xây dựng khu dịch vụ thương mại tổng hợp, bao gồm: Nhà kho, cửa hàng, khu vui chơi giải trí của hộ kinh doanh Đào Văn Dũng	TMD	Hộ HD Đào Văn Dũng	0,50		0,50	LUC (0,4987); DGT (0,0013)	Xã Quyết Thắng	Tờ 13 (thửa 1452,1353-1319-1340-1349-1522-1521)	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; QĐ số 3707/QĐ/UBND ngày 21/10/2019 của UBND huyện Thanh Hà V/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án khu dịch vụ thương mại tổng hợp của Hộ kinh doanh Đào Văn Dũng	Chuyển tiếp
	Dự án cơ sở kinh doanh nông sản an toàn và vật tư nông nghiệp công nghệ cao của hộ kinh doanh Nguyễn Thị Hoa	TMD	Hộ KD bà Nguyễn Thị Hoa	0,50		0,50	LUC (0,497); DGT (0,003)	Xã Quyết Thắng	Tờ 13 (thửa 1521,1522,1523-1416-1340-1446-1526-1562-1563)	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; QĐ số 3708/QĐ/UBND ngày 21/10/2019 của UBND huyện Thanh Hà V/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án cơ sở kinh doanh nông sản an toàn và vật tư nông nghiệp công nghệ cao của hộ KD Nguyễn Thị Hoa	Chuyển tiếp
	Dự án xây dựng khu kinh doanh giống cây trồng nông nghiệp, giống cây ăn quả đặc sản miền Bắc của hộ kinh doanh ông Nguyễn Mạnh Cường	TMD	Hộ KD ông Nguyễn Mạnh Cường	0,50		0,50	LUC (0,4987); DGT (0,0013)	Xã Quyết Thắng	Tờ 13 (thửa 1527, 1528, 1562,1563-1646,1645-1526-1556,...)	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; QĐ số 3706/QĐ/UBND ngày 21/10/2019 của UBND huyện Thanh Hà V/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng khu kinh doanh giống cây trồng nông nghiệp, giống cây ăn quả đặc sản miền bắc của hộ KD ông Nguyễn Mạnh Cường	Chuyển tiếp
	Dự án cơ sở kinh doanh bao bì và thương mại tổng hợp của hộ kinh doanh bà Hà Thị Khuyên	TMD	Hộ KD bà Hà Thị Khuyên	0,50		0,50	LUC (0,4986); DGT (0,0014)	Xã Quyết Thắng	Tờ 13 (thửa 1348-1321, 1417-1529-1530-1556,1557,...)	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; QĐ số 3709/QĐ/UBND ngày 21/10/2019 của UBND huyện Thanh Hà V/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án cơ sở kinh doanh bao bì và thương mại tổng hợp của hộ KD bà Hà Thị Khuyên	Chuyển tiếp
	Khu thương mại dịch vụ xã Gia Xuyên (cây xăng)	TMD	Doanh nghiệp	0,50		0,50	LUC	xã Gia Xuyên	Tờ BĐ số 4 (thửa 553, 554, 651, 613,...,655,...)	Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018; Nằm trong QH sử dụng đất đến năm 2020	Chuyển tiếp
2	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC		1,16		1,16					
	Dự án cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	SKC	hộ Bùi Thị Kim Ninh	0,08		0,08	LUC	P. Việt Hòa	Tờ 54 (thửa 8)	Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020; Thông báo chấp thuận địa điểm nghiên cứu lập dự án số 573/TB-UBND ngày 03/7/2017 của UBND TP	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tổng diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Văn bản có liên quan	Ghi chú
	Cơ sở gia công, lắp ráp và kinh doanh đồ gỗ nội thất, mỹ nghệ của hộ kinh doanh bà Quách Thị Thùy Linh	SKC	Hộ kinh doanh Quách Thùy Linh	1,08		1,08	LUC (1,05); DTL (0,01); DGT (0,02)	Xã Quyết Thắng	Tờ 13 (thửa 1249,1248,1327,1328,2112,....,1332,1243,1242,1241,1151)	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019; Quyết định số 3197/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Hà về Quyết định chủ trương đầu tư Dự án Cơ sở gia công, lắp ráp và kinh doanh đồ gỗ nội thất, mỹ nghệ của hộ kinh doanh bà Quách Thị Thùy Linh tại xã Quyết Thắng	Chuyển tiếp, giảm diện tích
3	Đất nông nghiệp khác	NKH		12,83		12,83					
	Dự án trồng và sơ chế cây dược liệu phía nam cầu Lộ Cương của Công ty cổ phần đầu tư thảo dược Thành Đông (ươm tạo cây giống, trồng cây dược liệu)	NKH	Công ty cổ phần đầu tư thảo dược Thành Đông	1,99		1,99	NTS	xã Liên Hồng	Tờ 05	VB số 163/TB-VP vv chấp thuận chủ trương, địa điểm đầu tư Dự án trồng và sơ chế cây dược liệu phía nam cầu Lộ Cương của C.ty CP đầu tư thảo dược Thành Đông	Chuyển tiếp
	Dự án Cơ sở trồng cây xanh đô thị và trồng cây ăn quả theo công nghệ cao tại phường Thạch Khôi	NKH	Công ty TNHH TMDV nông nghiệp Hà Anh	1,94		1,94	LUC (1,75), DGT (0,1), DTL (0,09)	P Thạch Khôi	Tờ 03 (thửa 1311,1312,1313); tờ 07 (thửa 5,7,31,33)	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 25/7/2020 của HĐND tỉnh; Thông báo số 82/TB-VP ngày 01/4/2020 của Văn phòng UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương dự án của Công ty TNHH TMDV nông nghiệp Hà Anh	Chuyển tiếp
	Trồng cây dược liệu, cây công trình và nuôi trồng thủy sản (trong đó CLN 3,33 ha; BHK 2,7 ha; NTS 2,87 ha)	NKH	Công ty cổ phần đầu tư Trung Nghĩa	8,90		8,90	LUC (1,32); NTS (7,58)	P Việt Hòa	Khu 1 ngoài đê 7,6 ha; khu 2 trong đê là 1,3 ha; (tờ 10, 11)	Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019; Thông báo số 150/TB-VP ngày 09/10/2019 của Văn phòng UBND tỉnh thông báo kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh về ủng hộ chủ trương đầu tư Dự án cơ sở trồng cây dược liệu, cây công trình và nuôi trồng thủy sản của Công ty cổ phần đầu tư Trung Nghĩa	Chuyển tiếp (đang GPMB)

Phụ biểu 01**KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH TRONG KHU DÂN CƯ NĂM 2021
CỦA THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG - TỈNH HẢI DƯƠNG***ĐVT: ha*

STT	Tên xã, phường	Diện tích	Lấy vào loại đất		
			CLN	NTS	BHK
1	Phường Cẩm Thượng	0,30	0,23	0,02	0,05
2	Phường Bình Hàn	0,50	0,43	0,02	0,05
3	Phường Ngọc Châu	0,50	0,43	0,02	0,05
4	Phường Nhị Châu	0,60	0,32	0,03	0,25
5	Phường Quang Trung	0,10	0,10		
6	Phường Nguyễn Trãi	0,10	0,10		
7	Phường Phạm Ngũ Lão	0,10	0,10		
8	Phường Trần Hưng Đạo	0,05	0,05		
9	Phường Trần Phú	0,05	0,05		
10	Phường Thanh Bình	0,60	0,50	0,05	0,05
11	Phường Tân Bình	0,60	0,50	0,05	0,05
12	Phường Lê Thanh Nghị	0,20	0,20		
13	Phường Hải Tân	0,60	0,50	0,05	0,05
14	Phường Tứ Minh	0,20	0,20		
15	Phường Việt Hoà	0,20	0,20		
16	Phường Ái Quốc	0,10	0,10		
17	Xã An Thượng	0,40	0,20	0,10	0,10
18	Phường Nam Đồng	0,10	0,10		
19	Phường Thạch Khê	0,10	0,10		
20	Phường Tân Hưng	0,10	0,10		
21	Xã Gia Xuyên	0,40	0,20	0,10	0,10
22	Xã Liên Hồng	0,40	0,20	0,10	0,10
23	Xã Ngọc Sơn	0,40	0,20	0,10	0,10
24	Xã Tiên Tiến	0,40	0,20	0,10	0,10
25	Xã Quyết Thắng	0,40	0,20	0,10	0,10
Tổng		7,50	5,51	0,84	1,15